

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CƠ SỞ.....	1
II. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	3
1. Căn cứ Luật.....	3
2. Căn cứ Nghị định.....	3
3. Căn cứ Nghị quyết, Quyết định.....	4
4. Căn cứ Thông tư.....	5
5. Các văn bản của địa phương	6
6. Quy chuẩn, tiêu chuẩn.....	7
III. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA CƠ SỞ	8
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	10
1. TÊN CHỦ CƠ SỞ: CÔNG TY TNHH NGỌC TRÂM ANH TÂY NINH	10
2. TÊN CƠ SỞ: KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG ĐOẠN SUỐI CHÀ VÀ, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH	10
2.1. Địa điểm Cơ sở.....	10
2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có):	12
2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	12
2.4. Quy mô của Cơ sở:	12
2.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường:.....	12
2.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:.....	13
2.7. Phân nhóm dự án đầu tư:	13
3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ	13
3.1. Công suất của Cơ sở:.....	13
3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở:	13
3.3. Sản phẩm của Cơ sở: Cát xây dựng.....	16
4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ	16
4.1. Nhu cầu và nguồn cung cấp nguyên liệu	16
4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu và nguồn cung cấp	16
4.3. Nhu cầu sử dụng điện và nguồn cung cấp.....	16
4.4. Nhu cầu sử dụng nước và nguồn cung cấp.....	17
5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ	17
5.1. Các hạng mục công trình:.....	17
5.2. Các hạng mục công trình phụ trợ.....	17

5.3. Danh mục thiết bị máy móc đầu tư tại Cơ sở	18
5.4. Tổ chức quản lý và thực hiện	18
5.4.1. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	18
5.4.2. Biên chế lao động	18
5.5. Chế độ làm việc	19
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	20
1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG.....	20
2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	20
2.1. Đối với nước thải.....	20
2.2. Sơ lược về nguồn tiếp nhận nước thải	21
2.3. Về tác động chất lượng nguồn tiếp nhận.....	21
2.4. Đối với môi trường không khí	22
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	23
1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	23
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	23
1.2. Công trình thu gom, thoát nước thải sinh hoạt	23
.....	24
1.3. Công trình thu gom, thoát nước thải sản xuất (nước bơm hút cát)	24
1.4. Xử lý nước thải.....	26
1.4.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt (Bể tự hoại 3 ngăn)	26
1.4.2. Công trình xử lý nước mưa chảy tràn, nước bơm hút cát.....	27
2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI	28
2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải khu vực bãi tập kết.....	28
2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải do phương tiện giao thông gây ra.....	28
2.3. Công trình, biện pháp khống chế ô nhiễm do bụi gây ra trong quá trình vận chuyển.....	29
2.4. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải tại khu vực khai thác.....	29
3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG	29
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	29
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	30
4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI ..	30
5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	31
5.1. Tại bãi tập kết	31

5.2. Tại khai trường khai thác	32
6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	32
6.1. Biện pháp an toàn giao thông đường thủy, an toàn và vệ sinh lao động	32
6.2. Phương án giảm thiểu tác động đến hiện trạng sạt lở bờ hồ.....	33
6.3. Biện pháp khống chế nguy cơ ô nhiễm do xăng dầu, giảm thiểu nguy cơ rò rỉ, tràn dầu	33
6.4. Phòng chống cháy nổ, phòng cháy chữa cháy.....	36
6.5. Phương án giảm thiểu xâm thực sâu, gây mất ổn định lớp bùn đáy trong quá trình khai thác cát	37
6.6. Phương án phối hợp với các đơn vị khai thác trong khu vực lòng hồ ..	37
6.7. Công trình, biện pháp an toàn tại khu vực hồ lắng	37
7. CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP KHÁC	37
7.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động đến đời sống dân cư xung quanh.....	37
7.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm độ đục trong khai thác.....	38
7.3. Công trình, giảm thiểu tác động đến cấu tạo địa chất đáy	39
7.4. Công trình, biện pháp khống chế ranh khai thác, giảm thiểu sạt lở đường bờ.....	39
7.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái.....	39
8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG	40
9. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC CẤP (KHI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH NÀY)	40
10. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.....	41
10.1. Nội dung, cải tạo phục hồi môi trường.....	41
10.2. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường.....	41
10.3. Kế hoạch kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện, chất lượng công trình	43
10.4. Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận.....	43
10.5. Công tác thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước về môi trường ..	44
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG	45
1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	45
2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI.....	46
3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	46
4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA CƠ SỞ THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI (NẾU CÓ):	46

5. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA CƠ SỞ CÓ NHẬP KHẨU PHẾ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT (NẾU CÓ):	46
CHƯƠNG V KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	47
1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:.....	47
2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI:	48
3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI.....	48
4. KẾT QUẢ THU GOM, XỬ LÝ CHẤT THẢI (ĐỐI VỚI CƠ SỞ THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI):	48
5. KẾT QUẢ NHẬP KHẨU VÀ SỬ DỤNG PHẾ LIỆU NHẬP KHẨU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT (ĐỐI VỚI CƠ SỞ SỬ DỤNG PHẾ LIỆU NHẬP KHẨU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT):	48
6. TÌNH HÌNH PHÁT SINH, XỬ LÝ CHẤT THẢI:	48
7. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ:.....	48
CHƯƠNG VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	49
1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI	49
2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT	49
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	49
2.1.1. Chương trình quan trắc nước thải	49
2.1.2. Chương trình quan trắc môi trường không khí.....	49
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	49
3. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG KHÁC	49
3.1. Giám sát trượt lở bờ, quan trắc ổn định bờ taluy	49
3.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại.....	50
4. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM	50
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	51
PHỤ LỤC.....	52

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Vị trí tọa độ mỏ cát xây dựng	15
Bảng 2: Vị trí tọa độ bãi tập kết cát.....	16
Bảng 3: Các thông số cơ bản của hệ thống khai thác	19
Bảng 4: Danh mục máy móc thiết bị tại cơ sở	22
Bảng 5: Biên chế lao động toàn mỏ.....	22
Bảng 6: Các loại CTNH phát sinh tại cơ sở	34
Bảng 7: Các công trình thay đổi so với Bản cam kết BVMT đã được phê duyệt...	44
Bảng 8: Tiến độ thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường	45
Bảng 9: Giới hạn giá trị các chất ô nhiễm đối với nước thải.....	49
Bảng 10: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt.....	50
Bảng 11: Khối lượng chất thải nguy hại.....	51
Bảng 12: Kinh phí giám sát môi trường định kỳ	55

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Vị trí mỏ cát xây dựng.....	16
Hình 2. Sơ đồ công nghệ khai thác.....	18
Hình 3. Sơ đồ tổ chức quản lý	22
Hình 4. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước mưa	27
Hình 5. Sơ đồ thu gom xử lý NTSH trên tàu.....	28
Hình 6. Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt nhà văn phòng	28
Hình 7. Sơ đồ thu gom nước thải từ quá trình bơm hút cát.....	29
Hình 8. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	31
Hình 9. Sơ đồ phương pháp xả ngầm	42
Hình 10. Sơ đồ tổ chức quản lý cải tạo, phục hồi môi trường.....	47

PHẦN MỞ ĐẦU

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CƠ SỞ

Cơ sở Khai thác cát xây dựng đoạn suối Chè V, xã Tn Hịa, huyện Tn Châu, tỉnh Ty Ninh của Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Ty Ninh được hình thành như sau:

- Ngày 02/12/2009, UBND tỉnh Ty Ninh ban hành Quyết định số 2512/GP-UBND cho phép thăm dò mỏ cát xây dựng thuộc lòng hồ Dầu Tiếng tại đoạn suối Chè V và Bồ Hết thuộc xã Tn Hịa, huyện Tn Châu, tỉnh Ty Ninh.

- Ngày 07/5/2010, UBND tỉnh Ty Ninh ban hành Quyết định số 831/QĐ-UBND về việc phê duyệt trữ lượng không sản mỏ cát xây dựng thuộc lòng hồ Dầu Tiếng tại đoạn suối Chè V và Bồ Hết thuộc xã Tn Hịa, huyện Tn Châu, tỉnh Ty Ninh.

- Ngày 30/3/2011, UBND tỉnh Ty Ninh cấp Giấy phép khai thác không sản số 1585/GP-UBND cho DNTN Tn Chiến Thắng.

- Ngày 28/3/2016, DNTN Tn Chiến Thắng ký hợp đồng chuyển nhượng thông tin kết quả thăm dò không sản cho DNTN Thành Thức tại Hợp đồng số 02/HĐKT/2016.

- Ngày 07/9/2016, UBND tỉnh Ty Ninh ban hành Công văn số 2517/UBND-KTN về việc chủ trương thực hiện các bước tiếp theo để lập hồ sơ khai thác không sản.

- Ngày 21/11/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ty Ninh xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường tại Công văn số 6222/STNMT-CCBVMT.

- Ngày 15/3/2017, UBND tỉnh Ty Ninh phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án Khai thác cát xây dựng đoạn suối Chè V, xã Tn Hịa, huyện Tn Châu, tỉnh Ty Ninh tại Quyết định số 571/QĐ-UBND.

- Ngày 26/6/2017, UBND tỉnh Ty Ninh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác không sản đối với không sản cát xây dựng tại đoạn suối Chè V, xã Tn Hịa, huyện Tn Châu, tỉnh Ty Ninh tại Quyết định số 1387/QĐ-UBND.

- Ngày 08/12/2017, UBND tỉnh Ty Ninh cấp Giấy phép khai thác không sản số 2973/GP-UBND cho DNTN Thành Thức.

- Ngày 09/11/2020, DNTN Thành Thức ký Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác không sản cho Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Ty Ninh.

- Ngày 08/3/2021, UBND tỉnh Ty Ninh cấp Giấy phép khai thác không sản số 530/GP-UBND cho Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Ty Ninh. Theo đó, diện tích khai thác 1 38 ha, tổng khối lượng khai thác còn lại 1 208.603 m³ và thời gian khai thác đến ngày 08/5/2030.

- Ngày 10/9/2024, UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Công văn số 2768/UBND-KT về việc xác nhận trữ lượng khổng sản huy động vào thiết kế khai thác. Theo đó:

+ Diện tích mỏ: 22,3316 ha.

+ Trữ lượng địa chất: 268.145 m³.

+ Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác: 197.837 m³.

- Ngày 16/10/2024, Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh ban hành Công văn số 2950/SXD-QLN&VLXD về việc ý kiến về hồ sơ thiết kế khai thác Dự án khai thác mỏ cát xây dựng lòng suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Theo đó:

+ Công suất thiết kế khai thác: 15.000 m³/năm (nguyên khối).

+ Tổng vốn đầu tư: 15 tỷ đồng.

Căn cứ lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường:

- Căn cứ Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Quy mô Cơ sở đầu tư thuộc nhóm C (dưới 45 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Căn cứ số thứ tự 5.a mục II Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: “*a) Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của vùng đất ngập nước quan trọng có tổng diện tích của dự án dưới 50 ha và có sử dụng đất, đất có mặt nước của từ 0,2 ha trở lên đối với vùng đất ngập nước quan trọng;*”.

- Căn cứ số thứ tự 8 mục III Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: “*Dự án khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép về khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”.

Cơ sở được phân loại thuộc nhóm II

- Căn cứ khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường: “*Cơ sở đầu tư nhóm I, nhóm II, nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức*”.

- Căn cứ khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: “*Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ, báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết, báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung, báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và văn bản xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản, bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch*

bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành là văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường khi xem xét, cấp giấy phép môi trường”.

- Căn cứ khoản 3 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: ***“Quyết định phê duyệt đề án ký quỹ, cải tạo, phục hồi môi trường; dự án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành là một phần của quyết định phê duyệt, văn bản xác nhận quy định tại khoản 2 Điều này đối với dự án khai thác khoáng sản khi xem xét, cấp giấy phép môi trường”.***

Từ các quy định trên, Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Tây Ninh tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho Cơ sở Khai thác cát xây dựng đoạn suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo mẫu Báo cáo đề xuất tại Phụ lục X *“Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động”* ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

II. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Căn cứ Luật

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.
- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;
- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023;
- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

2. Căn cứ Nghị định

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải;
- Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/02/2015 của Chính phủ hướng dẫn Luật Giao thông đường thủy nội địa;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;
- Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
- Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ quy định

chi tiết thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 16/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam;

- Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết điểm đ khoản 3 Điều 3 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công tác thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng.

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 45/2022/NĐ – CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

- Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Căn cứ Nghị quyết, Quyết định

- Nghị quyết số 02/NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng, chiến lược khoáng sản công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030;

- Nghị quyết số 103/NQ - CP ngày 22/12/2011 của Chính phủ về việc chương trình hành động của Chính phủ về việc thực hiện tại Nghị quyết số 02/NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng, chiến lược khoáng sản công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030.

- Nghị quyết số 104/NQ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ về việc xử lý vướng mắc về quản lý, khai thác và bảo vệ hồ chứa thủy lợi quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

- Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Căn cứ Thông tư

- Thông tư số 17/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

- Thông tư số 04/2015/BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

- Thông tư số 28/2015/TT-BGTVT ngày 30/4/2015 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2015/TT-BGTVT ngày 29/8/2013 của Bộ Giao thông vận tải.

- Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp.

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản.

- Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định về khung giá thuê tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau.

- Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn.

- Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng, chế độ báo cáo của công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng.

- Thông tư số 16/2020/TT-BTNMT ngày 18/12/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật về công tác khai đào công trình và lấy mẫu địa chất, khoáng sản tại công trình khai đào.

- Thông tư số 91/2021/TT-BTC ngày 21/10/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ Tài chính về mức thu chế độ nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp phép hoạt động khoáng sản.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24/12/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương quy định về nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình đối với các mỏ khoáng sản.

5. Các văn bản của địa phương

- Nghị quyết số 63/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Tây Ninh về việc quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn năm 2021-2025.

- Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh năm 2021.

- Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 3132/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh hướng dẫn xác định đơn giá nhân công tạm thời trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ.

- Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung 1 số nội dung của kế hoạch và phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh hàng năm đến năm 2025.

- Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 23/07/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt đơn giá trồng mới và chăm sóc rừng trồng từ năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Đề án thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6. Quy chuẩn, tiêu chuẩn

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

- QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp;

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- TCVN 5326-2008: Quy phạm kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên;

- QCVN 04:2009/BCT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai

thác lộ thiên;

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

III. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA CƠ SỞ

- Quyết định số 2512/GP-UBND ngày 02/12/2009 của UBND tỉnh Tây Ninh cho phép thăm dò mỏ cát xây dựng thuộc lòng hồ Dầu Tiếng tại đoạn suối Chà Và và Bò Hút thuộc xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 07/5/2010 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ cát xây dựng thuộc lòng hồ Dầu Tiếng tại đoạn suối Chà Và và Bò Hút thuộc xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 1585/GP-UBND ngày 30/3/2011 của UBND tỉnh Tây Ninh cấp cho DNTN Tân Chiến Thắng.

- Hợp đồng số 02/HĐKT/2016 ngày 28/3/2016 giữa DNTN Tân Chiến Thắng và DNTN Thành Thúc.

- Công văn số 2517/UBND-KTN ngày 07/9/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc chủ trương thực hiện các bước tiếp theo để lập hồ sơ khai thác khoáng sản.

- Công văn số 6222/STNMT-CCBVM ngày 21/11/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án Khai thác cát xây dựng đoạn suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản cát xây dựng tại đoạn suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 2973/GP-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh cấp cho DNTN Thành Thúc.

- Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Tây Ninh ngày 09/11/2020 của DNTN Thành Thúc.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 530/GP-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh cấp cho Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Tây Ninh.
- Công văn số 2768/UBND-KT ngày 10/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc xác nhận trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế khai thác.
- Công văn số 2950/SXD-QLN&VLXD ngày 16/10/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc ý kiến về hồ sơ thiết kế khai thác Dự án khai thác mỏ cát xây dựng lòng suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Công văn số 418/TLMN-QLN ngày 30/9/2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam về việc trả lời Công văn số 06/2024/NTA ngày 25/9/2024 của Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên, Mã số 3901305348 do Phòng Đăng ký doanh nghiệp – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh đăng ký lần đầu ngày 20/10/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 15/8/2023.

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. TÊN CHỦ CƠ SỞ: CÔNG TY TNHH NGỌC TRÂM ANH TÂY NINH

- Địa chỉ văn phòng: Số 16, tổ 8, KP. 1, P. 1, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Người đại diện pháp luật của Cơ sở: Ông Nguyễn Việt Ngọc.

- Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên, Mã số 3901305348 do Phòng Đăng ký doanh nghiệp – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh đăng ký lần đầu ngày 20/10/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 15/8/2023.

- Điện thoại: 0966 730 969

2. TÊN CƠ SỞ: KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG ĐOẠN SUỐI CHÀ VÀ, XÃ TÂN HÒA, HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

2.1. Địa điểm Cơ sở

Cơ sở Khai thác cát xây dựng đoạn suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Tây Ninh được UBND tỉnh Tây Ninh cấp phép khai thác, với diện tích 22,3316 ha.

- Khu mỏ khai thác cát có tọa độ như sau:

Bảng 1: Vị trí tọa độ mỏ cát xây dựng

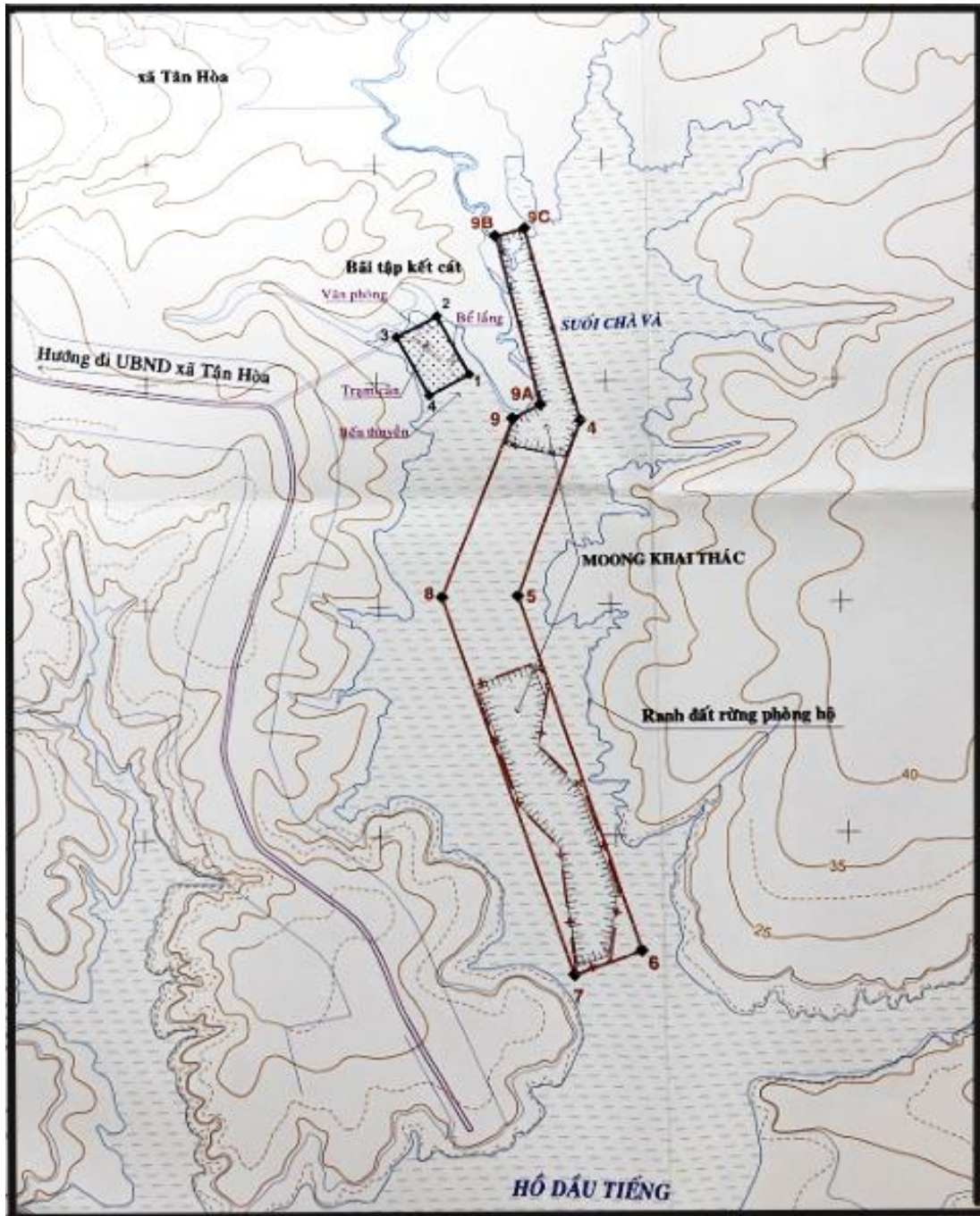
TT	Tọa độ VN 2000, múi 3 độ	
	X (m)	Y (m)
1	1280 313	602 148
2	1280 127	602 405
3	1279 790	602 713
4	1278 912	602 944
5	1278 520	602 801
6	1277 759	602 148
7	1277 705	602 050
8	1278 519	602 907
9	1278 917	602 636
10	1279 788	602 796
11	1270 044	602 590
12	1270 236	602 345

- Khu vực bãi tập kết cát có diện tích 1,5 ha đã được Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam, đơn vị quản lý hồ Dầu Tiếng thỏa thuận tại Công văn số 418/TLMN-QLN ngày 30/9/2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi

Miền Nam về việc trả lời Công văn số 06/2024/NTA ngày 25/9/2024 của Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh. Khu đất có tọa độ như sau:

Bảng 2: Vị trí tọa độ bãi tập kết cát

TT	Tọa độ VN 2000, múi 3 độ	
	X (m)	Y (m)
1	602 703	1279 017
2	602 632	1279 150
3	602 544	1279 103
4	602 614	1278 971



Hình 1: Vị trí mỏ cát xây dựng

❖ **Mối tương quan của Cơ sở với đối tượng kinh tế - xã hội:**

- Khu mỏ nằm trong hồ Dầu Tiếng nên việc đi lại bằng tàu thuyền dễ dàng. Từ khu vực khai thác cát đến bãi tập kết cát có chiều dài khoảng 1km. Bãi tập kết cát nằm cách đường giao thông ĐT 794 khoảng 7 km và được đầu nối với đường ĐT 794 nên thuận lợi cho việc vận chuyển cát đi tiêu thụ một cách dễ dàng.

- Theo quan sát xung quanh cơ sở không có vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển; nhà thờ, đền, chùa; các khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí.

2.2. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có):

- Công văn số 2950/SXD-QLN&VLXD ngày 16/10/2014 của Sở Xây Dựng tỉnh Tây Ninh về việc ý kiến về hồ sơ thiết kế khai thác Dự án khai thác mỏ cát xây dựng lòng suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Công văn số 6222/STNMT-CCBVM ngày 21/11/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án Khai thác cát xây dựng đoạn suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.4. Quy mô của Cơ sở:

Căn cứ Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Quy mô Cơ sở đầu tư thuộc nhóm C (dưới 45 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

2.5. Yếu tố nhạy cảm về môi trường:

- Căn cứ Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 25 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: “*c) Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của .. vùng đất ngập nước quan trọng ... và thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c và d cột (3) số thứ tự 7a Phụ lục III Nghị định này ...;*”

Căn cứ số thứ tự 5.a mục II Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: “*a) Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của vùng đất ngập nước quan trọng có tổng diện tích của dự án dưới 50 ha và sử dụng đất, đất có mặt nước của từ 0,2 ha trở lên đối với vùng đất ngập nước quan trọng;*”

Các yếu tố nhạy cảm môi trường của cơ sở được xác định như sau:

+ Cơ sở Khai thác cát xây dựng đoạn suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Tây Ninh được UBND tỉnh Tây Ninh cấp phép khai thác, với diện tích 22,3316 ha.

+ Cơ sở sử dụng đất bán ngập lòng hồ Dầu Tiếng để làm bãi tập kết cát và hồ lắng có diện tích 1,5 ha.

2.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Căn cứ Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

2.7. Phân nhóm dự án đầu tư:

- Căn cứ số thứ tự 5.a mục II Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: “*a) Dự án có sử dụng đất, đất có mặt nước của vùng đất ngập nước quan trọng có tổng diện tích của dự án dưới 50 ha và có sử dụng đất, đất có mặt nước của từ 0,2 ha trở lên đối với vùng đất ngập nước quan trọng;*”.

- Căn cứ số thứ tự 8 mục III Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: “*Dự án khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép về khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*”.

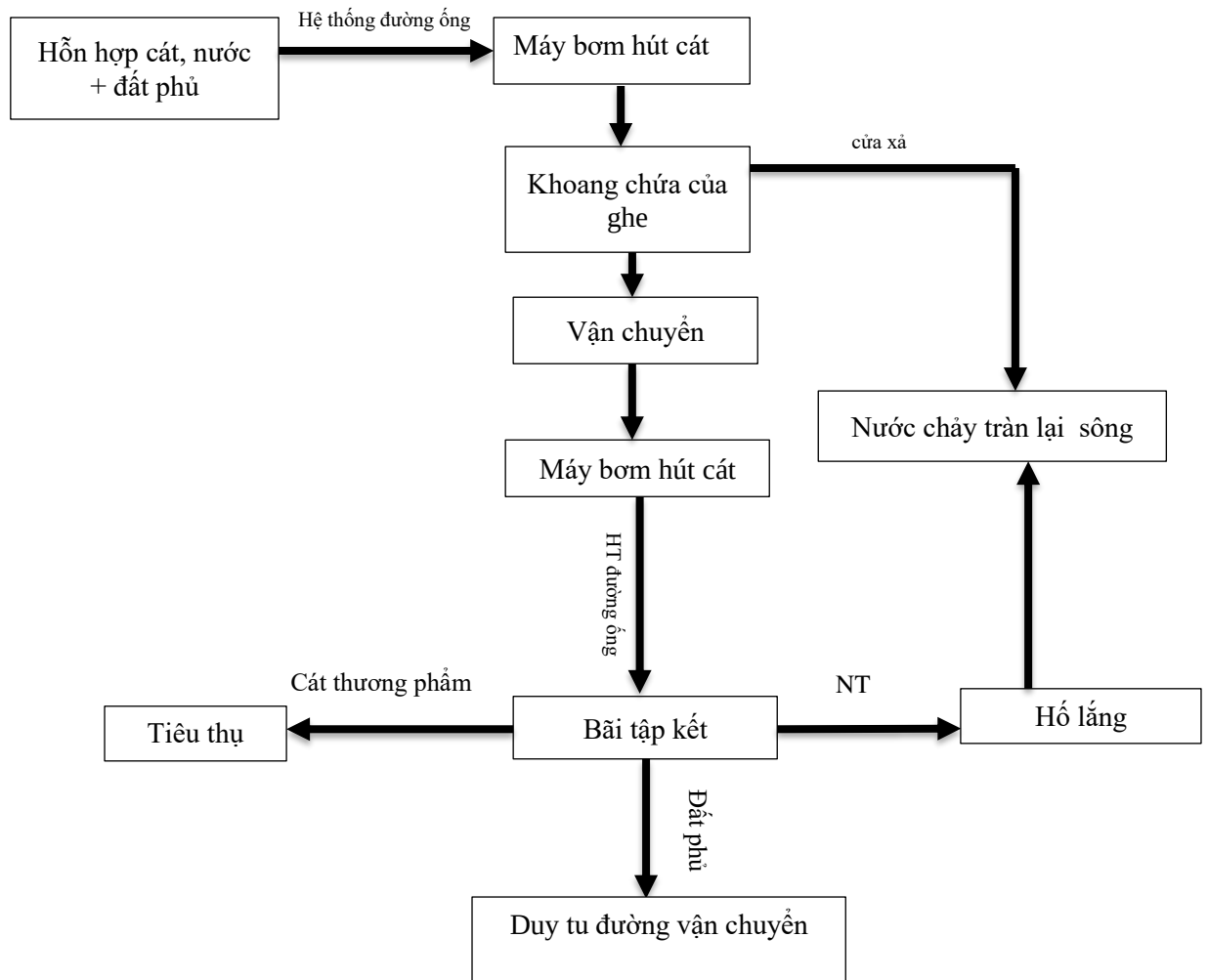
Cơ sở được phân loại thuộc nhóm II

3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ

3.1. Công suất của Cơ sở:

Công suất khai thác: 15.000 m³/năm (nguyên khối), tương đương 16.875 m³/năm (nguyên khai), với hệ số nở rời của cát xây dựng là 1,125.

3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở:



Hình 2. Sơ đồ công nghệ khai thác

Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất:

(1) Mở vĩa

Mỏ cát xây dựng tại đoạn suối Chà Và của Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Tây Ninh đã được đầu tư và khai thác từ năm 2017 đến nay. Hiện tại, đã có đầy đủ thiết bị khai thác và cơ sở hạ tầng các công trình phụ trợ, nên dễ dàng đưa vào vận hành khai thác không cần công tác mở vĩa.

(2) Trình tự khai thác

Trình tự khai thác được xác định phù hợp với điều kiện địa hình khu mỏ và hệ thống khai thác đã chọn. Khai thác cuốn chiếu trên toàn bộ dịch tích mỏ, không khai thác cục bộ.

Trước khi hút cát, phải tiến hành sục bùn, làm sạch lớp bùn phủ. Hút cát theo các khoảnh khai thác từ hạ lưu đến thượng lưu theo hướng ngược chiều dòng chảy, với chiều dày bằng toàn bộ chiều dày lớp cát khai thác.

Công tác khai thác sử dụng tàu hút, cát được bơm chuyển bằng đường ống lên bãi chứa trên bờ và xúc lên xe khách hàng bằng máy xúc thủy lực gầu ngược.

Hỗn hợp cát, nước và đất phủ được hút từ đầu ống hút lên khoang chứa qua hệ thống đường ống. Hỗn hợp nước, cát + đất phủ được chứa trong khoang chứa của

ghe. Cát nặng và đất phủ sẽ chìm xuống đáy còn nước thì tràn qua cửa thoát nước. Hoạt động sẽ diễn ra liên tục và chỉ ngừng khi khoang chứa đầy.

Khai thác theo kiểu cuốn chiếu, khấu toàn bộ hoặc một phần chiều dày thân khoáng theo thiết kế. Hỗn hợp cát + lớp đất phủ được bơm hút trực tiếp lên ghe chứa đưa về bãi tập kết.

(3) Lựa chọn hệ thống khai thác

- Hệ thống khai thác liên quan chặt chẽ đến thiết bị khai thác. Mặt khác, hệ thống khai thác được lựa chọn phải phù hợp với điều kiện địa chất mỏ và công suất thiết kế của mỏ. Mỏ cát xây dựng) tại suối Chà Và thuộc loại hình mỏ có điều kiện khai thác, công nghệ khai thác đơn giản. Tuy nhiên, đòi hỏi phải tuân thủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn công trình thủy lợi hồ Dầu Tiếng, các phương tiện đường thủy, cũng như đảm bảo ổn định đường bờ, hướng dòng chảy. Các thông số của hệ thống khai thác được trình bày ở bảng sau:

Bảng 3: Các thông số cơ bản của hệ thống khai thác

STT	THÔNG SỐ	KÝ HIỆU	ĐVT	Giá trị
1	Chiều sâu lớp cát khai thác (chiều dày lớp cát khai thác)	H_t	m	1,7 – 1,8
2	Góc nghiêng sườn tầng khai thác	α_{kt}	độ	28
3	Chiều cao tầng kết thúc	H_{k_t}	m	1,7 – 1,8
4	Góc nghiêng sườn tầng kết thúc	α_{kt}	độ	28
5	Chiều rộng dải khấu	A	m	30
6	Chiều dài luồng xúc	L	m	50
7	Góc dốc bờ khai trường/bờ kết thúc của mỏ (góc ổn định đường bờ)	γ	độ	28
8	Khoảng cách an toàn tới bờ mỏ	C	m	6
9	Chiều dày lớp lót đáy	-	m	0,5

- Mỏ cát xây dựng tại đoạn suối Chà Và có đặc thù sau:

+ Khai thác trong điều kiện không quan sát trực tiếp được khu vực khai thác (do ngập nước thường xuyên).

+ Khai trường cũng chính là luồng giao thông thủy, khai thác trong điều kiện nước chảy và phương tiện giao thông thủy cùng hoạt động trên cùng một khu vực.

+ Khai thác cát ảnh hưởng đến hướng và tốc độ dòng chảy, động thái đường bờ.

(4) Lựa chọn công nghệ khai thác

Thiết bị khai thác là tàu hút: Tàu hút cát là phương tiện chuyên dùng trong công tác nạo vét sông suối, ao hồ,...với công suất cao và hoạt động liên tục.

Khi tải trọng tàu hút cát đầy, sẽ vận chuyển hỗn hợp về bãi tập kết trên bờ để tách nước, khối lượng cát thu được sẽ bán trực tiếp cho khách hàng, lượng đất phủ sau khi tách nước được sử dụng để gia cố, duy tu tuyến đường vận chuyển trong khu vực, nước thải từ quá trình bơm hút cát sẽ được đưa qua 3 **bể lắng** để xử lý, nước sau hồ lắng cuối cùng (tương ứng hồ lắng thứ 3) thoát trở lại hồ Dầu Tiếng (Chất lượng nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của hồ Dầu Tiếng theo cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp).

Để tàu hút cát làm việc ổn định cần có hệ thống neo chắc chắn. Tàu càng ổn định thì năng suất làm việc càng cao. Việc di chuyển vị trí khai thác của tàu tương đối đơn giản. Trong phạm vi lô khai thác có thể nối dài một đầu và kéo một đầu dây neo để di chuyển tàu.

Ống hút cát có đường kính 110 mm bằng nhựa dẻo có thể uốn cong để thuận tiện cho việc dẫn dòng hỗn hợp cát + nước trong khi chất tải cũng như khi dỡ tải lên bờ. Đoạn nối đầu hút vào ống nhựa dẻo được làm bằng ống nhựa cứng, toàn bộ phần này được ngấp trong thân cát. Các đoạn ống chuyển hướng 90⁰ được nối bằng các cút chuyển hướng. Ống hút được thả xuống sông, trong trường hợp chiều sâu mực nước nhỏ có thể tự chìm xuống đáy thân cát nhưng trong đa số trường hợp phải dùng cây cứng cột chặt với thân ống cắm xuống thân cát.

Công nhân điều khiển hòng xả trên thâm ghe đảm bảo cho cát chứa đều trong khoang chứa.

3.3. Sản phẩm của Cơ sở: Cát xây dựng.

4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

4.1. Nhu cầu và nguồn cung cấp nguyên liệu

- Nhu cầu nguyên liệu đầu vào là cát vật liệu xây dựng: 15.000 m³/năm cát nguyên khối.

- Nguồn cung cấp nguyên liệu: cát nguyên liệu được Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Tây Ninh khai thác trực tiếp trong lòng hồ Dầu Tiếng tại đoạn suối Chà Và.

4.2. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu và nguồn cung cấp

Cơ sở sử dụng dầu DO, nhớt, mỡ để cung cấp cho máy móc, thiết bị tham gia khai thác vận chuyển cát xây dựng từ hồ Dầu Tiếng về bãi tập kết.

Nguồn cung cấp: Chủ cơ sở sẽ hợp đồng mua bán với các đơn vị có chức năng nằm gần khu vực mỏ hoặc các tỉnh lân cận. Khối lượng nhiên liệu sử dụng phụ thuộc vào nhu cầu thị trường xây dựng của khu vực.

4.3. Nhu cầu sử dụng điện và nguồn cung cấp

Mỏ không có các hộ tiêu thụ điện sản xuất. Thiết bị khai thác, vận chuyển chạy bằng động cơ dầu diesel. Hoạt động khai thác hoàn toàn vào ban ngày nên

không cần điện chiếu sáng. Trong trường hợp đặc biệt ghe hút cát phải di chuyển khi trời tối sẽ sử dụng đèn báo hiệu trên mũi từ điện bình ắc quy điện một chiều 12V.

Nguồn cung cấp điện: Tại các bãi tập kết cát sử dụng điện hạ áp sinh hoạt 220v phục vụ sinh hoạt và làm việc của văn phòng. Nguồn điện được lấy từ mạng lưới điện quốc gia. Nhu cầu sử dụng trung bình khoảng 200 – 300 kW/tháng.

Ngoài ra, nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất không bị gián đoạn trong trường hợp bị mất điện, Cơ sở cũng trang bị máy phát điện dự phòng 2HP chạy nhiên liệu xăng.

4.4. Nhu cầu sử dụng nước và nguồn cung cấp

Nước uống của công nhân được cung cấp dưới dạng nước đóng chai/bình mua từ các cửa hàng gần cơ sở nhất.

Công nhân làm việc tại cơ sở là người địa phương nên các sinh hoạt cá nhân thường diễn ra ở nhà, do đó không phải khoan giếng ngầm tại khu vực bãi tập kết cát để lấy nước phục vụ sinh hoạt. Chủ yếu sử dụng nước cho rửa tay chân công nhân viên tại cơ sở, phát sinh khoảng 0,375 m³/ngày (định mức nước sử dụng 25 lít/người/ngày x 15 người). Nguồn nước được lấy từ hồ Dầu Tiếng.

Lượng nước tưới đường vào mùa khô khoảng 9 m³/ngày được lấy từ giếng nước của các hộ dân lân cận cơ sở hoặc từ nguồn nước của hồ Dầu Tiếng.

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

5.1. Các hạng mục công trình:

- Khu vực khai trường: tổng diện tích 22,3316 ha theo Công văn số 2768/UBND-KT ngày 10/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc xác nhận trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế khai thác.

- Bãi tập kết cát: 1,5 ha theo Công văn số 418/TLMN-QLN ngày 30/9/2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam về việc trả lời Công văn số 06/2024/NTA ngày 25/9/2024 của Công ty TNHH MTV Ngọc Trâm Anh.

- Hồ lắng: 3 hồ với tổng diện tích là 01 ha (10.000 m²) nằm trên khu vực bãi tập kết.

5.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Văn phòng mở: 100 m²

- Trạm cân: 40 m².

- Kho vật tư, thiết bị: 25m².

- Kho nhiên liệu: 25m².

- Kho CTNH: 12m².

- Vận tải nội mô: Bãi tập kết được chọn phù hợp với địa hình tự nhiên, khả năng kết nối khu mỏ với đường giao thông trên bờ và phân bố khoảng cách hợp lý giữa các khối trữ lượng, khoảng cách vận tải trung bình về bãi tập kết.

- Vận tải ngoài mô: cát thành phẩm được bán trực tiếp cho Khách hàng nên Kế hoạch tự đảm nhiệm việc vận tải. Để phục vụ cho công tác vận tải ngoài mô, Cơ

sử dụng 4 máy xúc để xúc cát lên phương tiện vận tải cho khách hàng.

- Hệ thống thông tin liên lạc nội bộ và bên ngoài sử dụng mạng viễn thông di động, máy fax, internet, 3G của VNPT, Viettel.

5.3. Danh mục thiết bị máy móc đầu tư tại Cơ sở

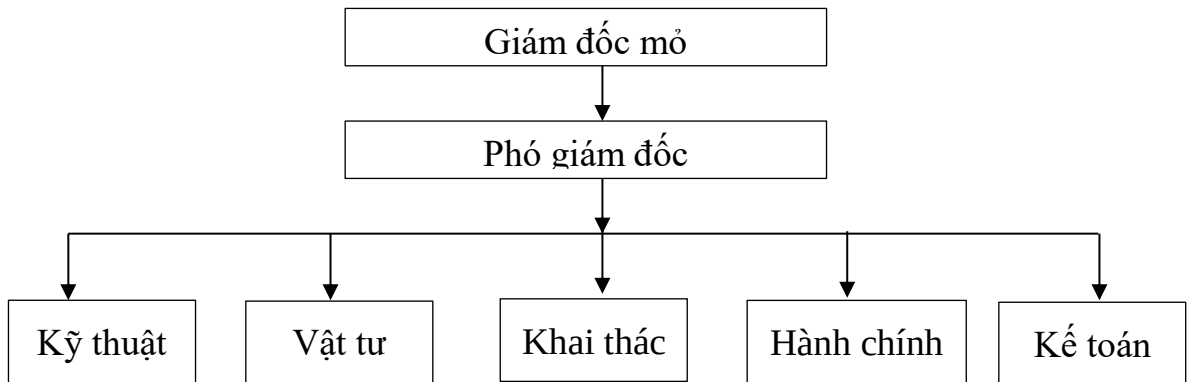
Cơ sở đầu tư một số máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác cát, như sau:

Bảng 4: Danh mục máy móc thiết bị tại cơ sở

Stt	Tên phương tiện	Số lượng	Tình trạng
1	Tàu hút cát	03	Hoạt động tốt
2	Máy đào	01	

5.4. Tổ chức quản lý và thực hiện

5.4.1. Cơ cấu tổ chức quản lý



Hình 3. Sơ đồ tổ chức quản lý

5.4.2. Biên chế lao động

Bảng 5: Biên chế lao động toàn mỏ

1. Bộ phận quản lý, gián tiếp	06 người
- Ban giám đốc	02 người
- Phòng kế hoạch, vật tư	02 người
- Phòng kỹ thuật, hành chính, kế toán	02 người
2. Bộ phận trực tiếp sản xuất	09 người
- Đội ghe khai thác – vận chuyên	06 người
- Công nhân trên bãi	03 người
Tổng cộng	15 người

5.5. Chế độ làm việc

- Số ngày làm việc trong năm: 240 ngày.
- Số ca làm việc trong ngày: 1 ca.
- Số giờ làm việc trong ca: 8 giờ.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG.

Căn cứ Điều 22, 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ điểm a khoản 1 mục IX Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Vị trí thực hiện Cơ sở Khai thác cát xây dựng đoạn suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Tây Ninh đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 6222/STNMT-CCBVMТ ngày 21/11/2016 và được UBND tỉnh phê duyệt Phương án cải tạo phục hồi môi trường tại Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 15/3/2017. UBND tỉnh Tây Ninh cấp giấy phép khai thác khoáng sản tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 530/GP-UBND ngày 08/3/2021.

Cơ sở Khai thác cát xây dựng đoạn suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Tây Ninh phù hợp Đề án thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt tại Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 24/9/2024. Cơ sở có vị trí không thuộc vào vùng bảo vệ nghiêm ngặt cũng như hạn chế phát thải theo Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/07/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Đối với nước thải

- Nước mưa: Theo nguyên tắc, nước mưa được quy ước là nước sạch nếu không tiếp xúc với các nguồn ô nhiễm. Khi chảy qua các vùng chứa các chất ô nhiễm, nước mưa sẽ cuốn theo các thành phần ô nhiễm đến nguồn tiếp nhận, tạo điều kiện lan truyền nhanh các chất ô nhiễm. Khi chuồng trại, sân bãi được xây dựng và bê tông hóa sẽ làm mất khả năng thấm nước. Mặt khác, trong quá trình vận hành dự án, nếu các nguồn gây ô nhiễm môi trường không được khống chế theo quy định, khi

nước mưa rơi xuống khu đất cơ sở sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm có trong nước thải, khí thải, chất thải rắn gây ô nhiễm nguồn nước. Tùy theo phương án không chế nước mưa cục bộ mà thành phần và nồng độ nước mưa thay đổi đáng kể.

- Nước thải sinh hoạt: Nước uống của công nhân được cung cấp dưới dạng nước đóng chai/bình mua từ các cửa hàng gần cơ sở nhất. Công nhân làm việc tại cơ sở là người địa phương nên các sinh hoạt cá nhân thường diễn ra ở nhà, nên không phát sinh nước thải sinh hoạt.

- Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là hồ Dầu Tiếng: Nguồn nước hồ Dầu Tiếng được sử dụng cho mục đích nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt nên cơ sở xả thải phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Do vậy, Cơ sở thực hiện xử lý nước thải đảm bảo giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm chính có trong nước thải không vượt quá quy chuẩn đã quy định trước khi xả nước thải ra ngoài môi trường là hoàn toàn phù hợp với quy định.

2.2. Sơ lược về nguồn tiếp nhận nước thải

Hồ Dầu Tiếng vừa là khu vực khai thác vừa là nơi tiếp nhận nước thải từ quá trình bơm hút cát của nhiều đơn vị khác, trong đó có Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Ty Ninh. Hồ Dầu Tiếng là hồ nước nhân tạo lớn nhất cả nước được với diện tích mặt nước 27km², diện tích lưu vực 270km². Dung tích chứa đạt đến 1,58 tỷ m³ nước.

Hồ hiện đang thực hiện điều tiết nước để phục vụ tưới tiêu cho 93.000ha đất ở Tây Ninh bao gồm huyện Tân Biên, Châu Thành, Bến Cầu, Dương Minh Châu, ...và thành phố Tây Ninh; huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh và huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và cấp nước sinh hoạt cho một số khu vực.

Với công suất khai thác của Cơ sở là 15.000 m³/năm (một năm hoạt động 240 ngày: 62,5 m³ cát/ngày) thì lưu lượng xả nước thải lớn nhất cho toàn mỏ từ quá trình bơm hút cát khoảng 15,6 m³/ngày.đêm (Tỉ lệ bơm hút hỗn hợp cát : nước = 2:8. Lượng nước sử dụng cho quá trình bơm hút cát là: 15,6 m³/ngày).

Trong điều kiện xả ngắt quãng 8/24 giờ thì lưu lượng xả vào nguồn tiếp nhận khoảng 0,0325m³/giây nước được đưa qua 03 hồ lắng để xử lý nên không làm ảnh hưởng đến chế độ thủy văn của hồ và chất lượng nguồn nước tại khu vực.

2.3. Về tác động chất lượng nguồn tiếp nhận

Hoạt động xả thải sẽ làm gia tăng giá trị TSS trong nguồn tiếp nhận.

Mục đích sử dụng nước Hồ Dầu Tiếng: nước Hồ Dầu Tiếng sử dụng cho mục đích cấp nước tưới tiêu nông nghiệp và cấp nước sinh hoạt.

Các thông số gây ô nhiễm môi trường liên quan đến khai thác cát xây dựng là pH, BOD, COD và tổng các chất rắn lơ lửng TSS. Do đó nếu nước thải không qua xử lý hoặc việc xử lý kém hiệu quả thì khi xả thải ra nguồn tiếp nhận sẽ làm tăng độ đục, tăng hàm lượng TSS, BOD, COD của nước hồ và làm bồi đắp lớp cặn dưới lòng hồ. Làm gia tăng chi phí cải thiện môi trường và làm mất nhiều thời gian để lòng hồ có thể có thể phục hồi.

Trong quá trình hoạt động, Doanh nghiệp đã phối hợp với đơn vị có chức năng

thực hiện lấy mẫu nước mặt để đánh giá hiệu quả xử lý nước thải đầu ra tại hồ lắng số 03.

2.4. Đối với môi trường không khí

Cơ sở không phát sinh nguồn khí thải công nghiệp tập trung. Bụi, khí thải phát sinh tại cơ sở chủ yếu từ bụi phát tán trong quá trình xúc bốc và vận chuyển đi tiêu thụ. Bên cạnh đó còn có khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của máy móc, thiết bị. Tuy nhiên, bụi và khí thải phát sinh không tập trung mà phân tán trên diện tích lớn. Trong quá trình hoạt động, Doanh nghiệp đã bố trí đầy đủ các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động từ các nguồn nêu trên.

Bụi, khí thải được kiểm soát không gây ô nhiễm môi trường. Trong quá trình cơ sở đi vào hoạt động cho đến nay, cơ sở chưa xảy ra các sự cố môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

Do đó, căn cứ theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo vệ môi trường QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng về độ rung, chủ đầu tư sẽ tuân thủ, chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo môi trường theo các quy chuẩn nêu trên.

Kết luận: Từ các phân tích từng nguồn chất thải nêu trên, cho thấy Cơ sở Khai thác cát xây dựng đoạn suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Tây Ninh phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường nơi Cơ sở hoạt động.

CHƯƠNG III

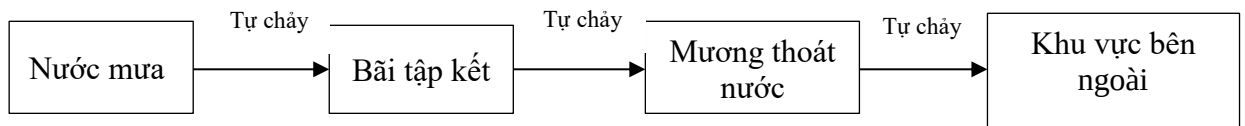
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Cơ sở thuộc loại hình khai thác cát xây dựng trên lòng sông, hồ. Bãi tập kết nằm lộ thiên, do vậy nước thải phát sinh từ lượng nước mưa chảy tràn tương đối lớn.

Phương án thu gom: Doanh nghiệp đã xây dựng, san gạt mặt bằng địa hình bãi tập kết. Nước mưa rơi trực tiếp và chảy tràn trong khu vực bãi tập kết sẽ theo bề mặt địa hình, các mương rãnh tập trung và thoát ra khu vực bên ngoài. Quy trình thu gom và thoát nước tại bãi tập kết như sau:



Hình 4. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước mưa

1.2. Công trình thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

- *Hoạt động phát sinh:* Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên (rửa tay chân, vệ sinh cá nhân) tại khu nhà vệ sinh của mỏ (nhà vệ sinh khu vực văn phòng mỏ, nhà vệ sinh di động trên tàu hút cát).

- *Lưu lượng phát sinh:* Số lượng công nhân viên thực tế của Doanh nghiệp tại mỏ không bố trí tập trung, hầu hết là công nhân khai thác trên tàu nên không cố định tại mỏ. Các ca làm việc được bố trí luân phiên. Do các lao động chủ yếu là người địa phương nên công nhân viên về nhà sau giờ làm, không ở lại tại mỏ nên lượng nước thải phát sinh tương đối ít. Số lượng công nhân viên tại mỏ khoảng **15 người**. Lượng nước thải phát sinh lớn nhất khoảng 0,375 m³/ngày.

Phương án thu gom:

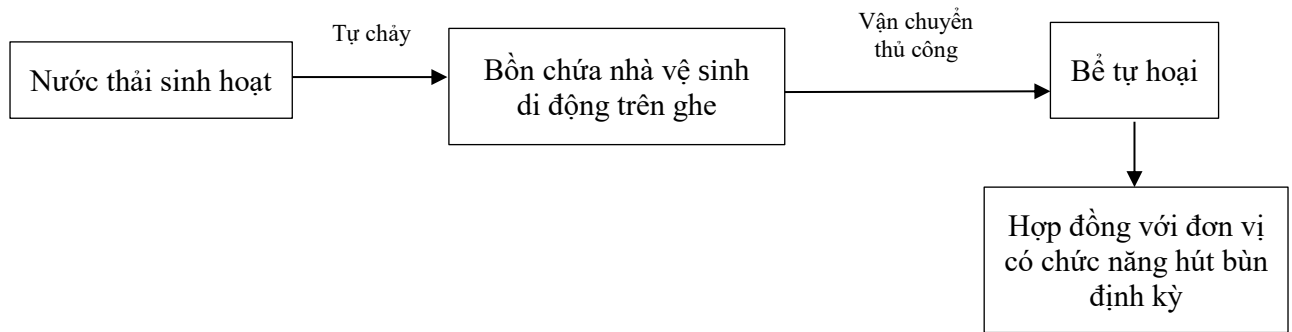
➤ *Tại khu vực tàu*

Trên các tàu hút cát, Công ty đã bố trí nhà vệ sinh di động đi kèm với tàu. Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom bằng các thùng chứa nhựa đặt dưới sàn khu vệ sinh. Các thùng chứa chất thải được chế tạo bằng chất liệu nhựa composite tách rời, có thể tháo và vận chuyển. Dung tích chứa của thùng khoảng 1,5 m³.

Định kỳ hằng ngày, sau khi kết thúc ca làm việc công nhân sẽ mang thùng chứa chất thải vệ sinh trên tàu về xử lý tại bể tự hoại ở khu văn phòng. Nước sinh hoạt trên tàu và tại khu văn phòng được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn và định kỳ thuê đơn vị tới hút hầm và mang đi xử lý theo quy định.

Trên mỗi tàu đã bố trí 1 nhà vệ sinh di động gắn liền với tàu. Tổng số bố trí là

3 nhà vệ sinh di động.

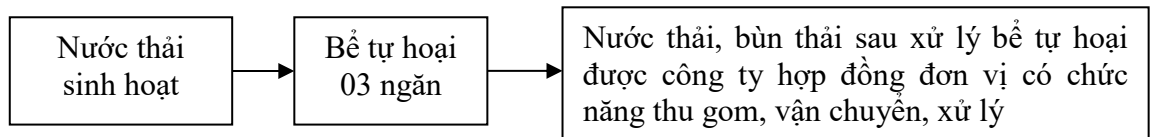


Hình 5. Sơ đồ thu gom xử lý NTSH trên tàu

Công ty định kỳ kiểm tra thường xuyên tình trạng các bể chứa tự hoại trên các tàu để xử lý chất thải theo quy định, không gây ô nhiễm ra môi trường bên ngoài.

➤ *Tại khu vực bãi tập kết, khu văn phòng phụ trợ*

- Phương án thu gom: Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động vệ sinh cá nhân được thu gom theo đường ống PVC Ø110 với vận tốc 0,5 %. Sau đó dẫn ra bể tự hoại 03 ngăn được xây dựng bằng bê tông cốt thép, diện tích 3m², dung tích bể chứa khoảng 9m³. Tại bể tự hoại, nước thải, bùn thải sau xử lý tại bể tự hoại được công ty hợp đồng, bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, mang đi xử lý theo định kỳ.

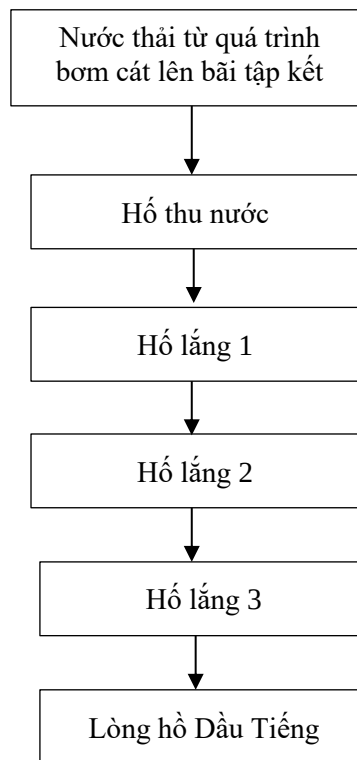


Hình 6. Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt nhà văn phòng

Đánh giá: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại mỏ hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu phát sinh của công nhân viên. Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý không gây ô nhiễm ra môi trường.

1.3. Công trình thu gom, thoát nước thải sản xuất (nước bơm hút cát)

- *Phương án thu gom:* Tại bãi tập kết nước được sử dụng để bơm đẩy cát từ tàu lên bãi tập kết. Nước bơm cát tại bãi tập kết sẽ theo bề mặt địa hình, các mương thu gom tập trung về 03 hồ lắng nước. Tại đây nước được lưu chứa trong hồ lắng và lắng các chất rắn lơ lửng nhằm đảm bảo đạt chất lượng nước theo quy định trước khi xả nước thải ra ngoài. Nước sau xử lý tại hồ lắng tự chảy về hồ Dầu Tiếng thông qua ống nhựa PCV đường kính 200mm, chiều dài đoạn ống khoảng 10m đặt tại hồ lắng 03.



Hình 7. Sơ đồ thu gom nước thải từ quá trình bơm hút cát

Các công trình cụ thể như sau:

- Hồ lắng: các hồ được thiết kế xây dựng riêng biệt, kết cấu bằng đất, kết nối thông qua ống nhựa. Xung quanh hồ lắng xây dựng các bờ bao kết cấu bằng đất. Diện tích mặt bằng xây dựng hồ lắng khoảng 1 ha, gồm 03 hồ lắng.

Nước thải phát sinh từ quá trình bơm cát lên bãi tập kết sẽ tự chảy qua 03 hồ lắng, nước sau hồ lắng cuối cùng (03) sẽ thoát trở lại lòng hồ Dầu Tiếng.

- Mương thoát nước: đã được bố trí tại bãi tập kết để dẫn nước bơm hút cát về hồ lắng xử lý. Chiều dài kích thước mương đã thi công khoảng 30m để dẫn nước từ bãi tập kết về hồ lắng. Kích thước mương chiều rộng phía trên: 3m, chiều rộng phía dưới: 1m; sâu: 1m.

Mương bố trí theo bãi tập kết chảy về 03 hồ lắng.

- Tính toán khối lượng nhu cầu xả nước thải của dự án:

Chủ yếu từ nước từ quá trình bơm hút cát từ tàu hút lên bãi tập kết .

Khối lượng cát khai thác theo giấy phép là 15.000 m³/năm (một năm hoạt động 240 ngày: 62,5 m³ cát/ngày).

Tỉ lệ bơm hút hỗn hợp cát : nước = 2:8 => Lượng nước thải ra trong 1 ngày từ việc khai thác cát là $Q_{\text{ngày}} = 15,6 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Tổng lượng nước thải sản xuất có nhu cầu xả thải tại cơ sở trung bình là 15,6 m³/ngày. Lượng nước thu gom tại cơ sở không xả thải liền trong ngày mà lưu chứa, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước

thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) trước khi xả thải. Chu kỳ, thu gom xử lý, xả nước thải khoảng 30 ngày.

Điểm xả nước thải sau xử lý:

+ Vị trí xả nước thải: lòng hồ Dầu Tiếng có tọa độ theo hệ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3° , như sau: **X = 1279 217, Y = 602 703**.

+ Phương thức xả thải: tự chảy.

+ Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày.

+ Lưu lượng xả thải lớn nhất: $15,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (tính những ngày có mưa tại khu vực mỏ).

+ Chất lượng nước thải: Giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$.

+ Nguồn tiếp nhận: hồ Dầu Tiếng.

1.4. Xử lý nước thải

1.4.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt (Bể tự hoại 3 ngăn)

Hiện nay Chủ cơ sở đã xây dựng hoàn chỉnh nhà vệ sinh trong khu vực để tiếp nhận xử lý. Nước thải sinh hoạt được thu gom bằng đường ống nhựa PVC 110 đặt ngầm dưới sàn và chảy đến bể tự hoại. Bể tự hoại được xây bằng BTCT, dung tích bể **9m³**. Nước thải sau xử lý tại bể tự hoại sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- Kết cấu bể như sau: Bể xây bằng gạch, cát, đá, vữa xi măng M50. Phần ngoài trát vữa xi măng M75 dày 15mm. Phía trong trát vữa xi măng M75 dày 20mm đánh láng. Bê tông đáy bể và nắp bể M200, cốt thép.

- Biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải: Theo định kỳ 03 tháng/lần, cán bộ kỹ thuật mỏ tiến hành kiểm tra hiện trạng, tình trạng hoạt động của các bể tự hoại. Định kỳ **06 tháng/lần** thuê đơn vị dịch vụ vệ sinh đến hút bùn bể tự hoại mang đi xử lý theo quy định.

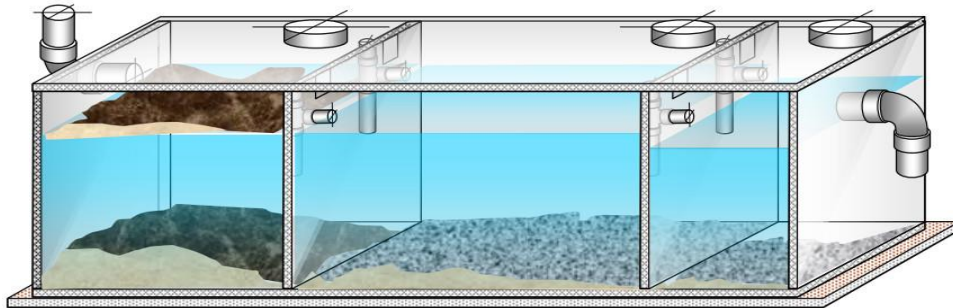
❖ Quy trình xử lý NTSH bằng bể tự hoại 3 ngăn

Bể tự hoại 3 ngăn là công trình làm đồng thời 3 chức năng là lắng, lọc và phân hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ lại trong bể từ 6 – 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần tạo thành các khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Với tính chất nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của nhân viên trong quá trình làm việc. Hiệu quả xử lý của hầm tự hoại 3 ngăn với thể tích đủ đạt 70% so với tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, nồng độ các chất ô nhiễm đầu ra đều nằm trong giới hạn cho phép.

Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn:

- Ngăn chứa phân: có kích thước lớn nhất chiếm 2/3 dung tích bể. Đây là nơi tích trữ phân. Phần xác bã (phần bùn) và các chất váng nổi, bị bọt giữ lại bên ngăn chứa phân.

- Ngăn lắng: chiếm $\frac{3}{4}$ thể tích còn lại, nơi này chỉ nhận nước từ ngăn chứa phân đi qua bằng các lỗ thông bên vách.
- Ngăn lọc kết hợp khử mùi: chứa đầy than cây (có dầm đá 4x6 bên trên để giữ cho than không nổi lên). Nước từ ngăn lọc đi ngược lên trên qua lớp than sẽ bị hấp thu mùi trước khi xả ra ngoài.



Hình 8. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Đánh giá: Cơ sở phát sinh lượng nước thải sinh hoạt không lớn, bể tự hoại của cơ sở hoàn toàn có thể tiếp nhận và đáp ứng được khả năng xử lý lượng chất thải này. Nước thải sinh hoạt được kiểm soát tại nguồn nên không gây ảnh hưởng, tác động tới môi trường xung quanh.

1.4.2. Công trình xử lý nước mưa chảy tràn, nước bơm hút cát

- Nước mưa phát sinh tại mỏ mang theo các vật liệu rơi vãi trên bề mặt nên đặc trưng ô nhiễm của nước thải trong hoạt động khai thác cát tại mỏ chủ yếu là cặn rắn có nguồn gốc từ bụi cát. Lượng nước này sẽ được thu về mương thoát nước và thoát ra môi trường bên ngoài.

- Nước thải bơm hút cát: Áp dụng biện pháp lắng cơ học để xử lý nước từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết. Hỗn hợp cát + nước được bơm lên bãi, nước thải ra có mương thu gom dẫn sang bể lắng.

- Công trình xử lý: Khu vực bãi tập kết bố trí 03 hồ lắng. Diện tích mặt bằng xây dựng hồ lắng khoảng **10.000m²**, hồ lắng tại khu vực có kích thước như sau:

- + Hồ lắng 1: Tổng diện tích là 2.000 m².

- + Hồ lắng 2: Tổng diện tích là 4.000 m².

- + Hồ lắng 3: Tổng diện tích là 2.000 m².

- + Khoảng cách giữa các hồ là 5-8m. Các ngăn hồ lắng được nối bằng các ống nhựa PCV đường kính 200mm, chiều dài đoạn ống khoảng 10-15m.

Quy trình vận hành 03 hồ lắng: nước từ quá trình bơm cát lên bãi tập kết được thu gom theo địa hình về hố gas thu nước để lọc đất cát rồi chảy qua các hồ lắng 1, 2, 3. Nước được lắng qua **03 hồ lắng** đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra ngoài ống xả ở hồ lắng số 03 về hồ Dầu Tiếng. Định kỳ thực hiện nạo vét bùn cát trong các hồ lắng để đảm bảo hiệu suất xử lý. Bùn cát nạo vét sẽ được tập kết tại bãi tập kết. Công

ty sử dụng khối lượng bùn sau khi róc nước để gia cố tuyến đường vận chuyển trong khu vực và gia cố bờ bao hố lắng.

➤ **Đánh giá, nhận xét:** Nước thải được xử lý tại hố lắng có nguồn gốc từ quá trình bơm hút cát, thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, không có các chất độc hại. Doanh nghiệp đã bố trí 03 hố lắng với tổng diện tích **10.000** m² để thu gom, xử lý nước thải phát sinh tại bãi tập kết của cơ sở.

➤ Nước thải được xử lý đạt quy chuẩn tiếp nhận của hồ Dầu Tiếng – QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột A.

➤ Doanh nghiệp đưa ra các công trình, biện pháp thu gom xử lý nước thải sản xuất đạt hiệu quả cao, nước thải được kiểm soát tại nguồn nên không gây ảnh hưởng tác động tới môi trường xung quanh.

2. CÔNG TRÌNH. BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải khu vực bãi tập kết

Nhằm ngăn bụi, khí thải phát tán ra môi trường xung quanh do gió cuốn từ bãi tập kết trong thời gian chưa vận chuyển đi tiêu thụ, Doanh nghiệp đã áp dụng các công trình, biện pháp kỹ thuật để giảm thiểu tác động tại khu vực bãi tập kết bằng các biện pháp như sau:

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý.
- San gạt sản phẩm theo đúng kế hoạch thi công, tránh tập trung thi công cùng lúc.
- Phân bố luồng xe tải ra vào công trường hợp lý, tránh ùn tắc, gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực
- Khi chuyên chở vật liệu xây dựng, các thùng xe vận tải sẽ được phủ bạt kín tránh rơi vãi;
- Khi bốc dỡ vật liệu xây dựng, các thùng xe vận tải sẽ được phủ bạt kín tránh rơi vãi.
- Khi bốc dỡ vật liệu xây dựng, công nhân, sẽ được trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động như: khẩu trang, găng tay,... để hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân.

2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải do phương tiện giao thông gây ra

- Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng xe cộ, máy móc. Xe vận chuyển phải đạt tiêu chuẩn về luật giao thông đường bộ. Tải trọng xe không lớn hơn 13 tấn.
- Lập kế hoạch khai thác và vận chuyển hợp lý, kiểm soát vận tốc và khoảng cách giữa các xe. Vận tốc tối đa là 35km/h, khi đi vào khu dân cư vận tốc tối đa là 20km/h, khoảng cách giữa các xe tối thiểu là 200m.
- Sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ.
- Không chở quá tải trọng quy định.

2.3. Công trình, biện pháp không chế ô nhiễm do bụi gây ra trong quá trình vận chuyển

- Thường xuyên sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường vào mỏ cát.
- Tưới nước ven đường trong quá trình vận chuyển tại những đoạn trọng yếu gây ô nhiễm do bụi, tùy thuộc vào thời tiết mà điều chỉnh tần số tưới nước cho phù hợp, trung bình 2 – 3 lần/ngày.
- Xe vận chuyển đất cát phải có bạt che kín và không chở quá tải trọng để tránh rơi vãi vật liệu xuống đường. Xe khi chạy vào gần khu dân cư, gần trường học vào giờ tan trường phải giảm tốc độ, không phóng nhanh vượt ẩu.

2.4. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải tại khu vực khai thác

Để ngăn ngừa bụi, khí thải phát tán vào môi trường xung quanh, Doanh nghiệp đã triển khai một số biện pháp như sau:

- Các phương tiện khai thác và vận chuyển sẽ được điều chỉnh chế độ đốt nhiên liệu phù hợp và không làm việc quá công suất quy định, máy móc thường xuyên được bảo dưỡng.
- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.
- Hướng dẫn và yêu cầu công nhân vận hành thiết bị đúng quy tắc.
- Bố trí thời gian làm việc thích hợp, không gây quá tải.
- Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân viên vận hành khai thác.
- Thường xuyên kiểm tra và tu sửa, bảo dưỡng định kỳ hệ thống máy móc, để các thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, làm giảm thiểu ảnh hưởng của chúng trong quá trình hoạt động đến môi trường. Định kỳ duy tu tàu hút và các thiết bị cơ khí đi kèm.

3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt là rác thải sinh hoạt của công nhân viên. Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thực tế 7,5kg/ngày (15 người x 0,5 kg/ngày/người). Doanh nghiệp đã có các công trình biện pháp giảm thiểu như sau:

- *Các công trình thu gom:* Sử dụng các thùng chứa rác để thu gom, lưu giữ và phân loại chất thải sinh hoạt như sau:

- + Rác thải sinh hoạt vô cơ: chai lọ, hộp, muống nhựa hoặc xốp, bao bì... đựng thức ăn, khăn giấy, túi giấy, giấy vệ sinh, đũa tre dùng 1 lần.
- + Rác thải sinh hoạt hữu cơ: chủ yếu là thức ăn thừa,...
- + Các loại chất thải khác.

Các thùng chứa rác bố trí như sau:

- + Nhà văn phòng: 3 thùng 60 lít.
- + Bố trí trên các tàu: 02 thùng đựng 60 lít, mỗi tàu 1 thùng

- *Rác tái chế*: Bộ phận văn phòng chủ động phân loại giấy tái chế, phát sinh chủ yếu từ nhà văn phòng làm việc để bán giấy vụn giảm lượng rác thải phải xử lý. Khối lượng này không nhiều do công tác văn phòng (xuất bản, in ấn) tại cơ sở rất ít.

=> Doanh nghiệp đã hợp đồng với đơn vị thu gom rác địa phương để thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định.

Đánh giá, nhận xét: các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở đạt hiệu quả cao, không gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn thông thường chủ yếu là rác thải từ quá trình bơm hút cát (chủ yếu là rác hữu cơ như cành cây, lá). Hiện nay, Doanh nghiệp đã bố trí thùng đựng rác trên các tàu và tại bãi tập kết, loại thùng 60 lít để thu gom và đựng rác thải.

Chất thải sau thu gom sẽ được phân loại và xử lý chung với rác thải sinh hoạt theo quy định.

- Đối với rác thải là đất, bùn thải công ty sẽ thu gom và sử dụng cho các công tác bảo vệ môi trường như gia cố bờ sông, bờ bao hồ lắng, duy tu tuyến đường vận chuyển.

- Đối với rác thải là tạp chất, xác bã thực vật, công ty sẽ thu gom và xử lý chung với rác thải sinh hoạt theo quy định.

Đánh giá, nhận xét: các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường tại cơ sở đạt hiệu quả cao, không gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở chủ yếu phát sinh từ quá trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị, tuy nhiên khối lượng phát sinh không nhiều.

Bảng 6: Các loại CTNH phát sinh tại cơ sở

TT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Tính chất tồn tại thông thường
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	20	18 02 01	Rắn
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	10	16 01 06	Rắn
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	60	17 02 03	Lỏng
4	Pin, ắc quy chì thải	10	19 06 01	Rắn
Tổng cộng		100		

Doanh nghiệp đã bố trí kho chứa CTNH có diện tích 12m², khu vực nền được đổ bê tông, xây tường bao, mái lợp tôn, bên ngoài có biển báo, bố trí các biện pháp PCCC đảm bảo theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.

Bên trong kho chứa CTNH, cơ sở bố trí 04 thùng chứa chất thải nguy hại tương ứng với 04 loại chất thải phát sinh tại khu vực mỏ khai thác. Thùng chứa có nắp đậy, vật liệu nhựa HDPE, dung tích 120 – 150L đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn về lưu chứa chất thải nguy hại được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được bố trí tại kho chứa CTNH, cụ thể:

- + 01 thùng chứa CTNH, dung tích 120L chuyên chứa dầu nhớt thải;
- + 01 thùng chứa CTNH dung tích 120L chuyên chứa pin, ắc quy chì thải;
- + 01 thùng chứa CTNH, dung tích 150L chuyên chứa giẻ lau máy móc, thiết bị dính dầu nhớt thải;
- + 01 thùng chứa CTNH, dung tích 150L chuyên chứa bóng đèn huỳnh quang thải.

Toàn bộ lượng CTNH phát sinh tại cơ sở đều được phân định, phân loại với CTR thông thường trước khi đưa vào lưu chứa tại các thùng chứa CTNH, đảm bảo thu gom triệt để CTNH phát sinh tại cơ sở theo quy định.

Hoạt động sửa chữa thay thế thiết bị, dầu nhớt thải đều được thực hiện tại các cơ sở sửa chữa phương tiện (do công nhân tại mỏ không có chuyên môn cơ khí). Công ty ký hợp đồng thu gom, xử lý chất thải nguy hại với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý, với tần suất thu gom 01 lần/năm

Đánh giá, nhận xét: CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được Doanh nghiệp đưa ra đầy đủ các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại và đã ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng, không ảnh hưởng tới môi trường.

5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

5.1. Tại bãi tập kết

Nhằm giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động. Doanh nghiệp đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

- Bố trí thời gian hoạt động phù hợp theo quy định.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Phối hợp với các đơn vị khai thác cát trong khu vực thực hiện duy tu, bảo dưỡng tuyến đường đất trong khu vực.
- Thực hiện các quy định trong lưu chứa và kinh doanh cát xây dựng, không thực hiện kinh doanh cát ngoài thời gian từ 7 giờ tới 17h giờ.
- Tiếng ồn, độ rung được bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng về độ rung.

5.2. Tại khai trường khai thác

- Thực hiện thủ tục cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (hồ Dầu Tiếng) để phục vụ cho hoạt động khai thác cát đúng quy định hiện hành.
- Thực hiện hoạt động khai thác từ 7 giờ tới 17 giờ, không thực hiện khai thác vào ban đêm.

6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Nhằm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình cơ sở hoạt động, Doanh nghiệp đã thực hiện các công trình, biện pháp thiểu tác động như sau:

6.1. Biện pháp an toàn giao thông đường thủy, an toàn và vệ sinh lao động

a) Phòng ngừa, giảm thiểu tai nạn giao thông đường thủy

Trong công tác phòng ngừa, giảm thiểu tai nạn giao thông đường thủy, Doanh nghiệp đã áp dụng các biện pháp sau:

- Trong quá trình hoạt động, các tàu luôn đảm bảo các quy định về an toàn giao thông đường thủy theo quy định.
- Tất cả tàu, thiết bị khai thác của cơ sở được đánh số, đăng kiểm, trang bị đầy đủ các thiết bị đèn, còi, cờ hiệu.
- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân vận hành phương tiện.
- Điều phối phương tiện phù hợp, tránh tập trung.

b) An toàn lao động và vệ sinh lao động

- Các biện pháp phòng ngừa sự cố, đảm bảo an toàn lao động:
 - + Tất cả công nhân viên làm việc với thiết bị điện đều phải được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, các phương pháp xử lý sự cố về điện.
 - + Thường xuyên kiểm tra sự cố an toàn của các thiết bị điện, các dây dẫn, ổ cắm, các lớp bảo vệ chống tiếp xúc, kiểm tra điện rò, điện trở hệ thống dây nối đất bảo vệ. Trước khi sửa chữa đường dây hay thiết bị điện phải cắt điện một phần hay toàn bộ khu vực có liên quan. Khi sửa chữa phải tuyệt đối tuân thủ các quy định an toàn điện và có trang bị an toàn thích hợp (đeo găng tay, đi ủng cách điện, đeo dây an toàn...).
 - + Ban hành nội quy, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án.
- Trang bị bảo hộ lao động: Doanh nghiệp trang bị dụng cụ bảo hộ: Bao tay (len, cao su), khẩu trang, ủng hoặc giày; nón bảo hộ lao động (nón vải, nón cứng); nút bịt tai, quần áo bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất tại cơ sở.
- Công tác giáo dục kiến thức:
 - + Thường xuyên kiểm tra đôn đốc và buộc công nhân phải tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp an toàn lao động.

+ Tuyên truyền, giáo dục công nhân lao động về nội quy an toàn lao động và ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Hoạt động ứng phó khi xảy ra rủi ro, sự cố:

+ Cách ly người bị nạn ra khỏi nguồn gây sự cố. Sơ cứu kịp thời người bị nạn trước khi chuyển đến cơ sở y tế gần nhất (trạm y tế xã). Bộ phận y tế được trang bị các phương tiện, thuốc men để thực hiện sơ cứu, cấp cứu tại chỗ.

+ Sử dụng xe công tác để vận chuyển người bị nạn đến cơ sở y tế gần nhất hoặc gọi điện cấp cứu số 115.

6.2. Phương án giảm thiểu tác động đến hiện trạng sạt lở bờ hồ

- Bổ nhiệm cán bộ giám đốc điều hành mở thực hiện quản lý sản xuất, giám sát và theo dõi hiện trạng đường bờ trong quá trình hoạt động. Doanh nghiệp bổ nhiệm và gửi thông báo chức vụ giám đốc điều hành mở cho cơ quan quản lý theo quy định.

- Thực hiện chương trình đo vẽ địa hình hiện trạng định kỳ 6 tháng/01 lần tại khu vực khai thác.

- Thực hiện khai thác theo đúng Giấy phép khai thác số 530/GP-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh, Công văn số 2768/UBND-KT ngày 10/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc xác nhận trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế khai thác và đảm bảo các thông số kỹ thuật thiết kế khai thác đã được thẩm định theo Công văn số 2950/SXD-QLN&VLXD ngày 16/10/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc ý kiến về hồ sơ thiết kế khai thác Dự án khai thác mỏ cát xây dựng lòng suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Thực hiện khai thác vào mùa cạn theo thông báo của đơn vị quản lý lòng hồ là Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam.

- Phương án xử lý khi có sự cố xảy ra:

+ Khi có sự cố xảy ra, lập tức dừng mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ. Tập trung toàn bộ lao động và thiết bị để ứng cứu sự cố. Di dời lao động và thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân gây ra sự cố để khắc phục. Báo cáo kịp thời sự cố cho cơ quan chức năng địa phương để có phương án hỗ trợ giải quyết.

+ Khi xảy ra sự cố, ban quản lý thông báo và phối hợp với chính quyền địa phương, lực lượng cảnh sát cùng giải quyết hậu quả, tìm nguyên nhân gây ra sự cố.

+ Ban quản lý mở chịu trách nhiệm chính trong công tác điều tra, trực tiếp chỉ đạo ứng cứu.

+ Các trưởng bộ phận sản xuất trực tiếp chịu trách nhiệm và phân công nhân lực trong các bộ phận có liên quan trong việc ứng cứu.

+ Khắc phục sự cố, gia cố đảm bảo an toàn và được ban quản lý, kỹ thuật xác nhận an toàn trước khi hoạt động lại.

6.3. Biện pháp khống chế nguy cơ ô nhiễm do xăng dầu, giảm thiểu nguy cơ rò rỉ, tràn dầu

- Bố trí thùng chứa rác thải nguy hại tại khu vực bãi tập kết và trên tàu. Mỗi

tàu bố trí 01 thùng chứa loại 60lít.

- Bố trí cán bộ thường xuyên kiểm tra khu vực chứa rác thải nguy hại, các khu vực có nguy cơ rò rỉ xăng dầu.

- Xây dựng kho theo đúng quy định thiết kế và lưu giữ tạm thời CTNH theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tuân thủ quy định về quản lý, bàn giao CTNH cho đơn vị xử lý.

- Hoạt động ứng phó khi xảy ra rủi ro, sự cố:

+ Bằng mọi biện pháp không cho dầu, nhớt từ nguồn gây ô nhiễm do sự cố tiếp tục tràn ra môi trường xung quanh.

+ Áp dụng các biện pháp ngăn, vây không cho chất ô nhiễm đã tràn ra tiếp tục loang rộng thêm, nhất là không cho loang ra vùng có nước.

+ Tuyệt đối không dùng chất hoặc các biện pháp làm phân tán dầu, nhớt ra môi trường xung quanh, nhất là trong môi trường nước.

+ Dùng các dụng cụ thu gom vớt dầu, đất đá nhiễm dầu vào dụng cụ lưu chứa và chuyển về kho chứa CTNH để bàn giao cho đơn vị dịch vụ đến tiếp nhận, xử lý.

☞ Mục tiêu của Kế hoạch ứng cứu trong trường hợp khẩn cấp:

Mặc dù khả năng xảy ra tai nạn nghiêm trọng với xác suất rất nhỏ, tuy nhiên cần thiết phải chuẩn bị một Kế hoạch ứng cứu trong trường hợp khẩn cấp. Một trong những tai nạn có thể có trong quá trình khai thác là sự cố đâm va chạm giữa các tàu khai thác có thể xảy ra sự cố tràn dầu. Ngoài ra, còn có thể xảy ra các tai nạn khác như cháy nổ,... Mục tiêu của kế hoạch là chuẩn bị các hoạt động đối phó với các tai nạn khẩn cấp trong khi khai thác và các khu vực trên luồng. Các nội dung của kế hoạch này là:

- Xác định các khu vực nhạy cảm tràn dầu trong khu vực và vùng lân cận.

- Kế hoạch phòng chống sự cố cần phải chuẩn bị cho Cơ sở, đồng thời thông báo cho nhà chức trách và các cơ quan chịu trách nhiệm sự cố.

- Xác định nguồn nhân lực và thiết bị có thể huy động trong trường hợp khẩn cấp;

- Trang bị trang thiết bị ứng cứu, khắc phục sự cố dầu tràn.

- Xác định các biện pháp cứng rắn phải thực hiện nhằm giảm nhẹ thiệt hại;

- Thường xuyên liên kết, trao đổi và cung cấp thông tin cho Trung tâm ứng cứu sự cố Miền Nam (thuộc hệ thống Quốc gia) để nhận được sự tiếp ứng kịp thời khi xảy ra sự cố.

Khi xảy ra sự cố dầu tràn thì phương án của địa phương, quốc gia, quốc tế liên quan đến khắc phục sự cố tràn dầu - sự phối hợp với các tổ chức trong xử lý tình huống như sau:

- Xác định cấp độ sự cố dầu tràn: Cấp I, cấp II, cấp III

+ **Cấp I:** Xảy ra trong phạm vi khu vực cơ sở, lượng dầu tràn ít, nằm trong khả năng ứng cứu của Công ty.

+ **Cấp II:** Sự cố xảy ra trên khu vực cơ sở với các loại tàu chở dầu trọng tải nhỏ.

+ **Cấp III:** Sự cố đặc biệt nghiêm trọng xảy ra với các loại tàu chở dầu trọng tải lớn hay các sự cố gây tràn dầu khác, lượng dầu tràn lớn.

- Xử lý tình huống khi sự cố xảy ra

+ **Sự cố cấp I:** phương án triển khai ứng cứu như sau:

Ban lãnh đạo cơ sở tiến hành họp khẩn cấp.

Lên phương án ứng cứu, kêu gọi sự hỗ trợ của các đơn vị lân cận.

Triển khai thực hiện theo phương án đề ra

Báo cáo đến các cơ quan chức năng (Sở Tài nguyên Môi trường và UBND tỉnh).

+ **Sự cố cấp II:** phương án triển khai ứng cứu như sau:

Nếu xảy ra tại khu vực khai thác thì triển khai như sự cố cấp I để ứng cứu sơ bộ.

Báo cáo lên lãnh đạo UBND tỉnh.

Huy động nhân lực và phương tiện triển khai ứng cứu.

Báo cáo lên cơ quan bảo vệ Môi trường Quốc gia (Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam).

+ **Sự cố cấp III:** Đây là mức độ sự cố đặc biệt nghiêm trọng đòi hỏi các phương án ứng cứu với quy mô lớn với sự phối hợp chặt chẽ từ trung ương đến địa phương và các tổ chức quốc tế.

❖ Khi sự cố xảy ra, Công ty sẽ thực hiện ứng cứu tức thời:

- Ưu tiên cứu người bị nạn thoát khỏi vùng nguy hiểm.

- Tùy theo nguyên nhân cụ thể sẽ tìm biện pháp thích hợp ngăn không cho dầu từ nguồn ô nhiễm tràn ra môi trường xung quanh.

- Sử dụng phao vây dầu (được trang bị sẵn trên thiết bị khai thác) ngăn không cho dầu đã tràn tiếp tục loang rộng thêm, nhất là loang vào các vùng ưu tiên bảo vệ (khu vực nuôi trồng thủy sản của dân, khu đông dân cư). Sử dụng các vật liệu hút dầu hoặc vớt thủ công lượng dầu đã tràn.

- Trường hợp dầu đã tràn vào bờ, sẽ kết hợp với người dân địa phương tổ chức thu gom vớt dầu, chặn dầu bằng mọi biện pháp, mọi phương tiện từ thô sơ (xẻng, xô, chậu...) cho tới hiện đại (xe hút nước, bơm dầu, xe ủi,...).

- Vớt dầu, chặn dầu, các vật liệu thấm dầu được thu gom, giữ vào nơi an toàn và giao cho đơn vị chuyên môn xử lý (như xử lý chất thải nguy hại).

- Bên cạnh việc ứng cứu, Công ty cũng báo cáo lên chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Dương Minh Châu, Sở Tài

nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh, UBND xã Phước Minh và Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam, Trung tâm ứng cứu sự cố Miền Nam (thuộc hệ thống Quốc gia) để nhận được sự tiếp ứng kịp thời khi xảy ra sự cố.

❖ Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ, tràn dầu tại kho chứa nhiên liệu

- Đảm bảo cho quá trình hoạt động thuận tiện, bãi tập kết của Doanh nghiệp đã bố trí một bồn chứa dầu dung tích phục vụ cho các thiết bị khai thác tại bãi tập kết.

- Doanh nghiệp đã cho xây dựng nhà kho chứa nhiên liệu để phòng ngừa sự cố tràn dầu và trang bị các thiết bị PCCC để kịp thời ứng cứu trong các trường hợp khẩn cấp xảy ra. Cấu tạo kho chứa nhiên liệu:

- + Xây dựng bằng BTCT, tường gạch, nền sàn bằng bê tông.
- + Có rãnh và hồ thu gom để thu gom dầu tràn.
- + Có mái che và lỗ thông gió.
- + Trang bị các thiết bị PCCC như: bình chữa cháy, chuông báo cháy, nội quy PCCC,...
- Hoạt động ứng phó khi xảy ra rủi ro, sự cố rò rỉ dầu tại bồn chứa:
 - + Bằng mọi biện pháp không cho dầu, nhớt từ nguồn gây ô nhiễm do sự cố tiếp tục tràn ra môi trường xung quanh.
 - + Áp dụng các biện pháp ngăn, vây không cho chất ô nhiễm đã tràn ra tiếp tục loang rộng thêm, nhất là không cho loan ra vùng có nước.
 - + Di chuyển các phương tiện, máy móc ra khỏi vùng xảy ra sự cố.
 - + Tuyệt đối không dùng chất hoặc các biện pháp lán phân tán dầu, nhớt ra môi trường xung quanh, nhất là trong môi trường nước.
 - + Dùng các dụng cụ thu gom vớt dầu, đất đá nhiễm dầu vào dụng cụ lưu chứa và chuyển về kho chứa CTNH để bàn giao cho đơn vị dịch vụ đến tiếp nhận, xử lý.

6.4. Phòng chống cháy nổ, phòng cháy chữa cháy

Trong công tác phòng chống cháy nổ, phòng cháy chữa cháy, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy định phòng cháy, chữa cháy trong khu vực. Xây dựng quy định PCCC để CBCNV áp dụng và học tập.
- Trang bị các phương tiện PCCC và được Công an phòng cháy chữa cháy kiểm tra định kỳ.
- Ban hành nội quy về phòng cháy chữa cháy.
- Tuyên truyền, nâng cao ý thức phòng cháy chữa cháy cho công nhân viên làm việc trong mỏ. Công tác này đã được Cảnh sát PCCC kiểm tra định kỳ.
- Trang bị thiết bị PCCC, loại bình xách tay đặt tại những khu vực có nguy cơ

cháy nổ. Các thông số kỹ thuật của bình chữa cháy bao gồm:

- Loại bình: bình xách tay;
- Chất chữa cháy: CO₂;
- Khối lượng: 5kg
- Thời gian phun: 9s
- Tầm phun xa: 2m

6.5. Phương án giảm thiểu xâm thực sâu, gây mất ổn định lớp bùn đáy trong quá trình khai thác cát

- Thực hiện khai thác theo đúng ranh giới, độ sâu giới hạn được cấp phép. Bố trí cán bộ kỹ thuật sẽ chịu trách nhiệm thực hiện.

- Định kỳ 6 tháng/01 lần đo vẽ địa hình hiện trạng khu vực mỏ khai thác và nộp gửi về Sở tài nguyên môi trường theo đúng quy định.

- Định kỳ hàng năm, 1 năm/01 lần, Doanh nghiệp sẽ thực hiện thống kê sản lượng khai thác, khối lượng lưu chứa trong Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản gửi về Sở tài nguyên và môi trường giám sát theo đúng quy định.

6.6. Phương án phối hợp với các đơn vị khai thác trong khu vực lòng hồ

- Doanh nghiệp sẽ phối hợp với các mỏ trong khu vực xác định ranh giới khai thác.

- Phối hợp các doanh nghiệp hoạt động trong khu vực thường xuyên tưới đường, thực hiện duy tu, bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển đất trong khu vực.

6.7. Công trình, biện pháp an toàn tại khu vực hồ lắng

Nhằm đảm bảo an toàn tại khu vực hồ lắng, công ty đã thực hiện các công trình, biện pháp thiểu tác động như:

- Lắp đặt các biển báo cảnh báo nguy hiểm.
- Có cán bộ giám sát không để con người, súc vật vào trong hồ lắng.
- Vào mùa mưa, đặc biệt những ngày mưa lớn, Chủ cơ sở cần cắt cử, bố trí cán bộ theo dõi, giám sát khu vực hồ lắng 24/24 đảm bảo không có nguy cơ vỡ hồ, ảnh hưởng đến khu vực bên dưới. Đồng thời có phương án ứng phó, xả nước ra hồ Dầu Tiếng kịp thời để điều tiết nước phù hợp nhằm đảm bảo an toàn công trình đồng thời tích nước hợp lý để phục vụ sản xuất.

7. CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP KHÁC

7.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động đến đời sống dân cư xung quanh

Nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến đời sống dân cư quanh mỏ, Doanh nghiệp đã thực hiện các công trình, biện pháp thiểu tác động như sau:

- Tưới nước giảm bụi dọc tuyến đường vận chuyển.
- Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị nhằm giảm thiểu bụi và

tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến đời sống của dân cư.

- Doanh nghiệp đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương, tham gia đóng góp vào các chương trình phúc lợi xã hội tại địa phương.

- Thực hiện công khai thời gian khai thác và kế hoạch khai thác tới địa phương, đơn vị quản lý lòng hồ Dầu Tiếng và thông báo tới các hộ dân gần khu vực cơ sở.

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương đủ điều kiện; bố trí bảo vệ trực 24/24 và tổ chức hoạt động sản xuất của mỏ theo ca hợp lý.

- Doanh nghiệp đã thực hiện lắp đặt biển thông báo công khai thông tin giấy phép khai thác của cơ sở và công khai thông tin bãi tập kết theo đúng quy định.

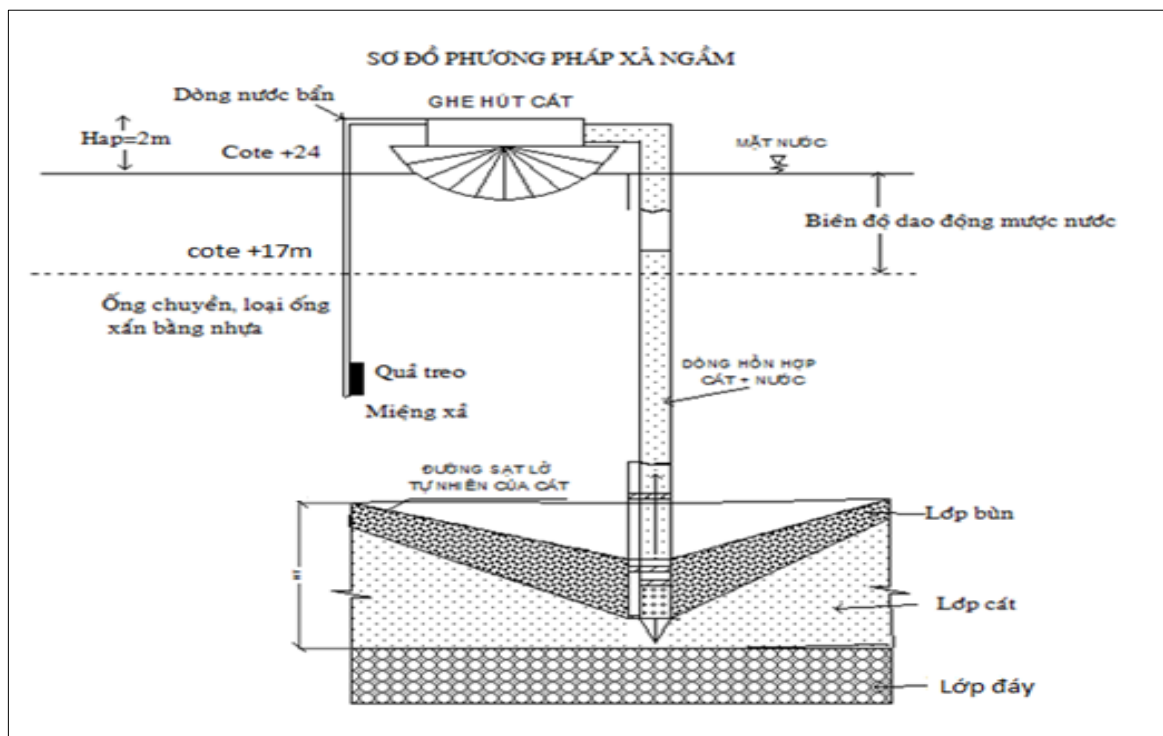
7.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm độ đục trong khai thác

Để giảm thiểu ô nhiễm độ đục nguồn nước trong quá trình khai thác cát tại khai trường, Doanh nghiệp đã thực hiện các biện pháp sau:

- Áp dụng phương pháp xả ngầm, nước phát sinh tại hầm chứa khi bơm được gom triệt để về ống xả D200, loại ống xoắn mềm để dễ dàng cuộn lại trên tàu. Ống xả được gắn quả treo (bằng bê tông, thép) để kéo ống xuống tầng nước sâu. Miệng ống xả được duy trì cách đáy tàu khoảng 1m để chuyển nước từ tàu xuống tầng nước sâu bên dưới. Nhờ áp lực của lớp nước bên trên sẽ hạn chế đáng kể sự khuếch tán của bùn cát lơ lửng, nhanh chóng sa lắng xuống đáy.

- + Độ chênh cao cột áp duy trì để tạo áp lực đẩy nước xuống là $H_{\text{áp}} = 2\text{m}$ tương đương với sàn tàu và miệng hầm chứa. Khi hút xong và nước trong hầm xả hết thì kéo ống lên, cuộn lại trên sàn tàu để di chuyển về bãi.

- + Bố trí thiết bị khai thác theo đúng thiết kế và phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy. Tránh tập trung nhiều thiết bị tại 1 khu vực gây nguy cơ gia tăng độ đục cao.



Hình 9. Sơ đồ phương pháp xả ngầm

- Thi công đúng phạm vi khai thác, đảm bảo các khoảng cách an toàn đến các công trình lân cận.
- Bố trí thiết bị khai thác theo đúng thiết kế và phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy.
- Đảm bảo lượng cát được hút từ đáy hồ lên hầm chứa của tàu không vượt khả năng tiếp nhận của hầm chứa, tránh chảy tràn ra khu vực khai thác.
- Doanh nghiệp thực hiện thời gian làm việc theo sự chỉ đạo của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam. Mùa khô, mực nước hồ Dầu Tiếng nằm dưới cao trình mực nước chết (+17m), Doanh nghiệp sẽ tạm ngưng hoạt động.

7.3. Công trình, giảm thiểu tác động đến cấu tạo địa chất đáy

Để giảm thiểu tác động tới cấu tạo địa chất đáy trong quá trình khai thác cát tại khai trường, Doanh nghiệp đã thực hiện các biện pháp sau:

- Tuân thủ và thực hiện đúng theo thiết kế cơ sở.
- Lập kế hoạch thi công hợp lý và tổ chức giám sát thi công chặt chẽ.
- Thực hiện khai thác theo đúng các thông số kỹ thuật, hệ thống khai thác đã được phê duyệt.

7.4. Công trình, biện pháp không chế ranh khai thác, giảm thiểu sạt lở đường bờ

Để không chế ranh khai thác, giảm thiểu sạt lở đường bờ trong quá trình khai thác, Doanh nghiệp đã thực hiện các biện pháp sau:

- Khai thác đúng thiết kế được phê duyệt, đảm bảo khai thác đúng ranh giới, diện tích, sản lượng khai thác, công nghệ khai thác theo Giấy phép khai thác được cấp.
- Thả phao xác định ranh giới khai thác, Doanh nghiệp trực tiếp quản lý phao của mình. Định vị bằng GPS. Doanh nghiệp đã trang bị GPS cho tàu hút.
- Bổ nhiệm cán bộ giám đốc điều hành mỏ, cán bộ kỹ thuật thực hiện quản lý sản xuất, giám sát và theo dõi khai trường, hiện trạng đường bờ trong quá trình hoạt động.
- Phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện đo vẽ địa hình hiện trạng và nộp kèm báo cáo khai thác khoáng sản về Sở tài nguyên và môi trường theo quy định. Doanh nghiệp đã thực hiện đo vẽ địa hình với tần suất 6 tháng/1 lần.
- Doanh nghiệp cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm các sự cố sạt lở do cơ sở gây ra, Doanh nghiệp sẽ phối hợp địa phương thỏa thuận, đền bù các diện tích sạt lở.

7.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái

Để giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái trong quá trình khai thác, Doanh nghiệp đã thực hiện các biện pháp sau:

- Khai thác theo hình thức cuốn chiếu, tránh tập trung cao điểm thiết bị khai thác.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực trong hoạt động sản xuất của cơ sở, đặc biệt từ công đoạn bơm hút cát.

- Bố trí thùng đựng thu gom rác thải phát sinh trên tàu, không xả thải rác xuống hồ Dầu Tiếng.

8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Phụ lục Danh mục các dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường ban hành kèm theo Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ.

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh đã cấp giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 6222/STNMT-CCBVMТ ngày 21/11/2016. Căn cứ theo điều 197 của Luật Bảo vệ môi trường quy định cam kết bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành là văn bản tương đương với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường khi xem xét, cấp giấy phép môi trường.

Bảng 7: Các công trình thay đổi so với Bản cam kết BVMT đã được phê duyệt

STT	Nội dung	Kế hoạch BVMT đã được phê duyệt	Phương án điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo Kế hoạch đã được phê duyệt
1	Tên chủ cơ sở	Doanh nghiệp tư nhân Thành Thúc	Công ty TNHH MTV Ngọc Trâm Anh
2	Diện tích mỏ cát	38 ha	22,3316ha
3	Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác	210.513 m ³	197.837 m ³
4	Trữ lượng địa chất	295.421 m ³	268.145 m ³
5	Bãi chứa cát	1,2 ha	1,5 ha

Nhận xét: So với nội dung Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt theo Giấy xác nhận số 6222/STNMT-CCBVMТ ngày 21/11/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh, cơ sở có một số thay đổi, điều chỉnh như nêu ở bảng trên để phù hợp với thực tế.

Việc bổ sung bãi tập kết không thuộc trường hợp phải lập báo cáo ĐTM theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và mục 11 Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Doanh nghiệp đã cập nhật nội dung này vào hồ sơ cấp Giấy phép môi trường.

9. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC CẤP (KHI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH NÀY)

Không có

10. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

10.1. Nội dung, cải tạo phục hồi môi trường

- Khu vực khai trường khai thác:
 - + Thực hiện trục vớt toàn bộ phao, xích, rùa, máy móc thiết bị phục vụ khai thác ra khỏi khai trường khai thác.
 - + Di dời các thiết khai thác lên bờ, rút các ống hút cát ra khỏi khai trường.
 - + Đo vẽ địa hình đáy đoạn thuộc khu vực khai thác.
- Khu vực bãi tập kết và văn phòng phụ trợ:
 - + San gạt mặt bằng, tháo dỡ các hạng mục công trình đã xây dựng về nguyên trạng ban đầu.
 - + San lấp hồ lắng, bể tự hoại.
- Các công tác cải tạo, phục hồi môi trường khác:
 - + Cải tạo, phục hồi môi trường khác: thực hiện duy tu tuyến đường vận chuyển vào mỏ.
 - + Quan trắc, đánh giá chất lượng nước mặt, môi trường không khí tại khu vực khai thác.

10.2. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Công tác cải tạo, phục hồi môi trường của mỏ cát được thực hiện theo Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh, công suất 15.000 m³/năm. Các hạng mục cụ thể như sau:

Bảng 8: Tiến độ thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Hạng mục	Tiến độ thực hiện	
		Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
I	Giai đoạn khai thác		
1	Lắp đặt phao, biển báo giới hạn khu vực khai thác	Từ tháng thứ 1 năm khai thác thứ 1 đến tháng thứ 12 năm khai thác thứ 14	Sau khi kết thúc khai thác
2	Đo vẽ địa hình để giám sát giới hạn định kỳ hàng năm (chiều sâu, khoảng cách xa bờ, khai thác cát hợp lý)		
3	Duy tu bảo dưỡng đường vận chuyển ngoài mỏ		
4	Thu gom chất thải nguy hại trên toàn bộ khai trường		
5	Trang bị phương tiện ứng phó sự cố tràn dầu		

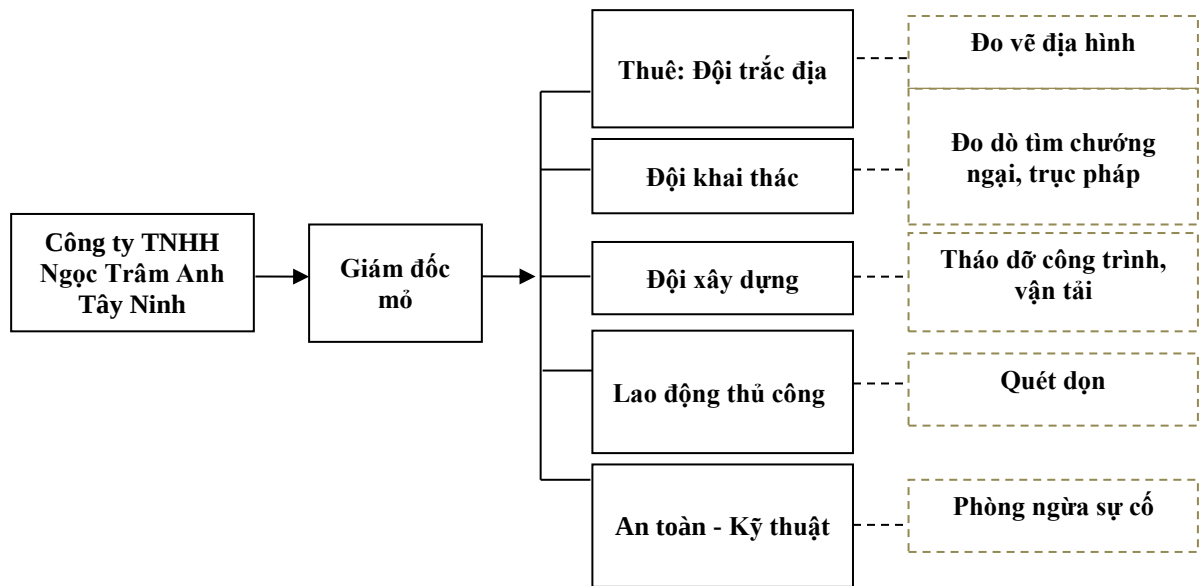
6	Giám sát và nạo vét khu vực bị bồi lắng do đơn vị khai thác gây ra		
II	Giai đoạn sau khi kết thúc khai thác		
	Khu vực khai thác		
1	Thu dọn phao và biển báo cảnh giới	Ngay sau khi kết thúc khai thác, tháng thứ 1, 2 năm thứ 15	2 ngày
2	Di dời máy móc thiết bị vào bờ		
	Khu vực xung quanh khai trường		
3	San gạt mặt bằng bãi chứa		
4	Trồng cây lên bãi chứa	Sau khi kết thúc san gạt bãi chứa	30 ngày
	Khu vực bên ngoài biên giới mỏ, nơi bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác	Ngay sau khi kết thúc cải tạo khai trường và xung quanh khai trường	5 ngày
5	Duy tu, cải tạo tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ		
	Chí phí khác		
6	Đo vẽ định hình đáy suối	Ngay sau khi kết thúc khai thác	1 tháng
7	Điều tra, xác định nguyên nhân sạt lở	Khi có hiện tượng xói lở	
8	Giám sát môi trường trong quá trình cải tạo	Trong quá trình thi công	

** Sơ đồ tổ chức thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường*

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt. Doanh nghiệp tiến hành trực tiếp thực hiện các hạng mục nhằm mục đích đưa khu vực khai thác đóng cửa mỏ về trạng thái an toàn theo đúng quy định của Luật Khoáng sản.

- Tiến độ thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường: 06 tháng (tính từ thời điểm được phê duyệt đề án đóng cửa mỏ sau kết thúc khai thác).

Công tác cải tạo, phục hồi môi trường được tổ chức như sau:



Hình 10. Sơ đồ tổ chức quản lý cải tạo, phục hồi môi trường

10.3. Kế hoạch kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện, chất lượng công trình

Thời gian thi công phương án cải tạo PHMT bắt đầu trong giai đoạn khai thác và thời gian cải tạo, PHMT sau khi kết thúc khai thác mỏ (khoảng 6 tháng). Các hạng mục công trình do các bộ phận trong Doanh nghiệp phụ trách, Cơ sở có trách nhiệm đảm bảo tiến độ thi công, chất lượng công trình. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh giám sát và kiểm tra xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường, đóng cửa mỏ sau kết thúc khai thác.

Sau khi kết thúc khai thác, Doanh nghiệp sẽ lập đề án Đóng cửa mỏ khoáng sản. Trên cơ sở Phương án cải tạo, phục hồi môi trường và Đề án đóng cửa mỏ được phê duyệt. Doanh nghiệp sẽ thi công, hoàn công các công trình cải tạo, phục hồi môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh sẽ thực hiện kiểm tra, xác nhận hoàn thành các hạng mục công trình cải tạo, PHMT theo quy định về Đóng cửa mỏ.

10.4. Giải pháp quản lý, bảo vệ các công trình cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kiểm tra, xác nhận

- Khi kết thúc khai thác và hoàn thành xong các công trình cải tạo PHMT, Doanh nghiệp lập báo cáo hoàn thành các công tác cải tạo phục hồi môi trường để trình cơ quan quản lý xem xét, khi được xác nhận có thể tiến hành đóng cửa mỏ. Chủ cơ sở bố trí nhân lực trực bảo vệ khu công trình mỏ trong thời gian chờ đóng cửa mỏ theo quy định. Doanh nghiệp sẽ chịu trách nhiệm và sẽ thực hiện biện pháp khắc phục các hạng mục công trình cải tạo, PHMT như đã xác nhận nếu trường hợp để xảy ra sự thay đổi các hạng mục công trình cải tạo, PHMT.

- Đối với diện tích khai trường nằm trong diện tích đất ngập nước và diện tích bãi tập kết thuộc diện tích đất bán ngập: sau khi hoàn thành các công trình cải tạo,

phục hồi môi trường và có quyết định đóng cửa mỏ, chủ cơ sở sẽ tiến hành bàn giao lại cho Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam quản lý.

10.5. Công tác thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước về môi trường

Tổng số tiền ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường là: 561.831.592 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi một triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi hai đồng*).

+ Lần đầu, số tiền nộp: 112.366.518 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, ba trăm sáu mươi sáu ngàn, năm trăm mười tám đồng*).

+ Những lần sau, số tiền: 34.574.313 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi bốn triệu, năm trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm mười ba đồng*).

Đến năm 2024, Doanh nghiệp đã thực hiện ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh với tổng số tiền đã bao gồm yếu tố trượt giá là 407.919.246 đồng.

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ chưa bao gồm yếu tố trượt giá là: 153.912.346 đồng.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

a) Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại 01 bể tự hoại 03 ngăn thuộc khu nhà văn phòng với lưu lượng khoảng 0,375 m³/ngày (không thuộc đối tượng xả nước thải).

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết, phát sinh 15,6 m³/ngày.đêm.

b) Lưu lượng xả nước thải tối đa

Tổng lưu lượng nước thải tối đa phát sinh trong một ngày của cơ sở là 15,6 m³/ngày.đêm.

c) Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận

Nước thải sau từ nhà vệ sinh được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn, để xử lý sơ bộ trước khi bàn giao cho các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý (không xả thải trực tiếp ra môi trường xung quanh) nên tại cơ sở chỉ phát sinh 01 dòng nước thải từ quá trình bơm hút cát lên bãi tập kết như sau:

- Dòng nước thải: Nguồn phát sinh nước thải số 02 được thu gom bằng đường ống nhựa HDPE, đường kính 200mm dẫn về 03 hố lắng để xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT. Dòng nước thải sau xử lý (hố lắng số 03) theo đường ống nhựa HDPE, đường kính 200mm chiều dài khoảng 10m để thoát nước ra hồ Dầu Tiếng.

- Các chất ô nhiễm: pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photphat, Sunfua, Zn, Cd, Clorua, Fe, dầu mỡ khoáng và Coliform.

- Giá trị giới hạn chất gây ô nhiễm: Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$).

Bảng 9: Giới hạn giá trị các chất ô nhiễm đối với nước thải

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	TSS	mg/L	≤ 5	01 tháng/lần	Không
3	COD	mg/L	≤ 10		
4	BOD ₅	mg/L	≤ 4		
5	DO	mg/L	≥ 6		

d) Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Điểm xả thải số 01 (nước thải tương ứng với nguồn số 02): Nước thải sau hố lắng số 03 thoát ra hồ Dầu Tiếng (thuộc địa phận xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh).

- Tọa độ vị trí xả nước thải sau xử lý: theo hệ VN- 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰, như sau: **X = 1279 202, Y = 602 691.**

đ) Phương thức, hình thức, chế độ xả thải và nguồn tiếp nhận:

- *Phương thức xả thải:* Nước thải phát sinh tại bãi tập kết (hố lắng số 03) sau xử lý chảy ra hồ Dầu Tiếng theo đường ống nhựa HDPE, đường kính 200mm, dài 10m.

- *Hình thức xả thải:* tự chảy.

- *Chế độ xả thải:* liên tục 24 giờ/ngày

- *Nguồn tiếp nhận nước thải:* hồ Dầu Tiếng (thuộc địa phận xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh).

2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

Đặc thù hoạt động của cơ sở là phát sinh các nguồn bụi, khí thải phân tán trong quá trình hoạt động khai thác, vận chuyển của mỏ gồm: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động phương tiện máy móc; bụi phát sinh từ hoạt động xúc bốc, vận chuyển cát xây dựng tại khu vực bãi tập kết cát; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ. Cơ sở không phát sinh dòng thải cố định nên không thuộc đối tượng cấp phép xả khí thải.

3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Không đề nghị cấp giấy phép môi trường, do nguồn tiếng ồn và độ rung không cố định.

4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA CƠ SỞ THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI (NẾU CÓ):

Không có.

5. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP CỦA CƠ SỞ CÓ NHẬP KHẨU PHÉ LIỆU TỪ NƯỚC NGOÀI LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT (NẾU CÓ):

Không có.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Quyết định số 2512/GP-UBND ngày 02/12/2009 của UBND tỉnh Tây Ninh cho phép thăm dò mỏ cát xây dựng thuộc lòng hồ Dầu Tiếng tại đoạn suối Chà Và và Bò Hút thuộc xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 07/5/2010 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt trữ lượng khoáng sản mỏ cát xây dựng thuộc lòng hồ Dầu Tiếng tại đoạn suối Chà Và và Bò Hút thuộc xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 1585/GP-UBND ngày 30/3/2011 của UBND tỉnh Tây Ninh cấp cho DNTN Tân Chiến Thắng.

- Hợp đồng số 02/HĐKT/2016 ngày 28/3/2016 giữa DNTN Tân Chiến Thắng và DNTN Thành Thúc.

- Công văn số 2517/UBND-KTN ngày 07/9/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc chủ trương thực hiện các bước tiếp theo để lập hồ sơ khai thác khoáng sản.

- Công văn số 6222/STNMT-CCBVM ngày 21/11/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án Khai thác cát xây dựng đoạn suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản cát xây dựng tại đoạn suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 2973/GP-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh cấp cho DNTN Thành Thúc.

- Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Tây Ninh ngày 09/11/2020 của DNTN Thành Thúc.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 530/GP-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh cấp cho Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Tây Ninh.

- Công văn số 2768/UBND-KT ngày 10/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc xác nhận trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế khai thác.

- Công văn số 2950/SXD-QLN&VLXD ngày 16/10/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc ý kiến về hồ sơ thiết kế khai thác Dự án khai thác mỏ cát xây dựng lòng suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Công văn số 418/TLMN-QLN ngày 30/9/2024 của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam về việc trả lời Công văn số 06/2024/NTA ngày

25/9/2024 của Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh.

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

Năm 2021, Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Tây Ninh nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản từ DNTN Thành Thúc và được UBND tỉnh Tây Ninh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 530/GP-UBND ngày 08/3/2021.

Do phạm vi mỏ khoáng sản trùng lấp với diện tích đất rừng phòng hộ Dầu Tiếng nên Công ty đã đo đạc xác định lại diện tích, trữ lượng mỏ cát và được UBND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 2768/UBND-KT ngày 10/9/2024 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc xác nhận trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế khai thác. Do đó, từ năm 2021 đến nay, Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Tây Ninh chưa hoạt động khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 530/GP-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh nên công ty không tổ chức quan trắc môi trường định kỳ.

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TRÌNH XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

Không có

4. KẾT QUẢ THU GOM, XỬ LÝ CHẤT THẢI (ĐỐI VỚI CƠ SỞ THỰC HIỆN DỊCH VỤ XỬ LÝ CHẤT THẢI):

Không có

5. KẾT QUẢ NHẬP KHẨU VÀ SỬ DỤNG PHÉ LIỆU NHẬP KHẨU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT (ĐỐI VỚI CƠ SỞ SỬ DỤNG PHÉ LIỆU NHẬP KHẨU LÀM NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT):

Không có

6. TÌNH HÌNH PHÁT SINH, XỬ LÝ CHẤT THẢI:

Không có.

7. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ:

Trong 02 năm gần nhất không đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

Cơ sở thuộc loại hình khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, các công trình xử lý chất thải của dự án tương đối đơn giản.

Căn cứ theo điểm a, c, d, h, khoản 1, điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Các công trình xử lý chất thải tại dự án không phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

2.1.1. Chương trình quan trắc nước thải

- Vị trí quan trắc: 02 vị trí (01 vị trí tại cửa xả nước từ bể lắng vào hồ Dầu Tiếng và 01 tại khu vực hoạt động khai thác cát.

- Thông số quan trắc: TSS, BOD₅, COD, DO.

- Tần suất quan trắc: 01 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 40:2011/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp;

+ QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

2.1.2. Chương trình quan trắc môi trường không khí

Căn cứ vào Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP cơ sở không thuộc đối tượng quy định phải thực hiện quan trắc mẫu định kỳ đối với khí thải.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc khí thải và nước thải tự động.

3. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG KHÁC

3.1. Giám sát trượt lở bờ, quan trắc ổn định bờ taluy

Trong quá trình hoạt động, Chủ đầu tư tiến giám sát, theo dõi các sự cố địa chất có thể xảy ra (sạt lở bờ, sự ổn định của các mái dốc, bồi lắng lòng hồ...) để có những biện pháp xử lý thích hợp và nhanh chóng.

Công tác giám sát này căn cứ vào các kết quả kiểm tra thường xuyên của bộ phận kỹ thuật khai thác và kết quả đo địa hình hiện trạng hằng năm.

- Tần suất giám sát: 01 năm/lần (cùng với thời gian đo đạc hiện trạng).

- Biện pháp: Định kỳ phối hợp với đơn vị tư vấn độc lập thực hiện công tác đo vẽ, lập bản đồ địa hình hiện trạng.

3.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện thống kê, giám sát việc thu gom, lưu giữ và xử lý của từng loại chất thải rắn theo quy định:

+ Thống kê chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng ngày, tháng, khối lượng được hợp đồng xử lý.

+ Thống kê chất thải rắn nguy hại phát sinh hàng ngày, tháng, khối lượng được hợp đồng xử lý.

- Tần suất giám sát: thường xuyên hàng ngày.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy chuẩn giám sát chất thải rắn:

+ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Căn cứ Đơn giá thực tế hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Chi phí thực hiện công tác giám sát môi trường định kỳ hàng năm như sau:

Bảng 12: Kinh phí giám sát môi trường định kỳ

STT	Tên chỉ tiêu và công việc	Thành tiền
I	Lấy mẫu và phân tích mẫu	52.220.000
1	Giám sát nước thải sản xuất	18.420.000
2	Giám sát chất lượng nước mặt	6.600.000
3	Giám sát dịch động bờ mỏ, sạt lở bờ moong	20.000.000
II	Khảo sát và lập báo cáo	20.000.000
	Tổng cộng	65.020.000

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Ngọc Trâm Anh Tây Ninh là chủ Cơ sở Khai thác cát xây dựng đoạn suối Chà Và, xã Tân Hòa, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cam kết:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đã nêu ở báo cáo này, đảm bảo các nguồn thải (khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại,...) phát sinh do hoạt động của cơ sở đều nằm trong giới hạn cho phép của các Tiêu chuẩn và Quy chuẩn Việt Nam như:

+ Môi trường không khí: Các chất ô nhiễm trong khí thải của cơ sở khi phát tán ra môi trường bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ Độ ồn: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình hoạt động của cơ sở đạt Quy chuẩn giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư (theo mức âm tương đương, QCVN 26:2010/BTNMT).

+ Nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14-2008/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ QCVN 40:2011/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp;

+ QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

+ Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường sẽ được quản lý chặt chẽ, thu gom và hợp đồng xử lý triệt để. Đối với các loại chất thải nguy hại đảm bảo thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc những nội dung chủ cơ sở đã cam kết với Chính quyền địa phương nơi thực hiện cơ sở.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc môi trường hàng năm.

- Trường hợp các sự cố môi trường, rủi ro môi trường xảy ra trong quá trình triển khai dự án, chủ đầu tư cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường.

- Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã được phê duyệt của dự án.

- Chịu trách nhiệm pháp lý về số liệu, tài liệu và thông tin về dự án để lập báo cáo này.

Chủ cơ sở xin cam kết các điều khoản đã ghi trên đây và chịu trách nhiệm trước pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu để xảy ra vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường./.

PHỤ LỤC